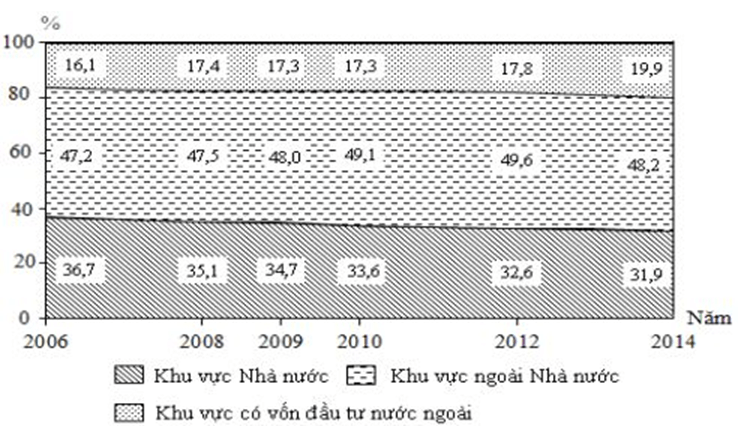
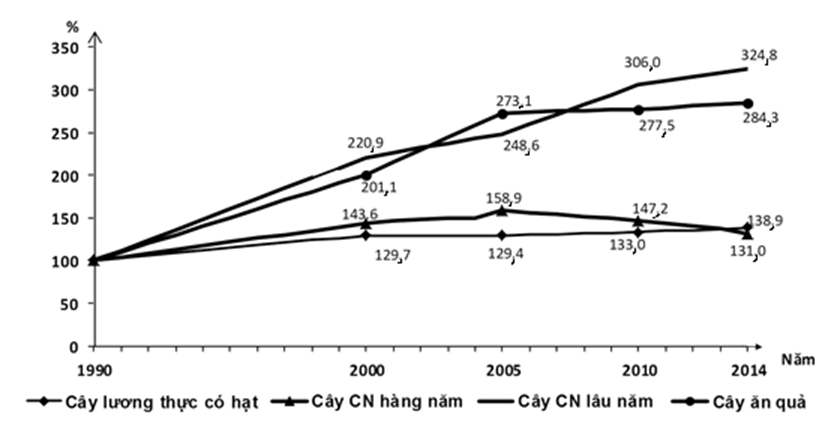
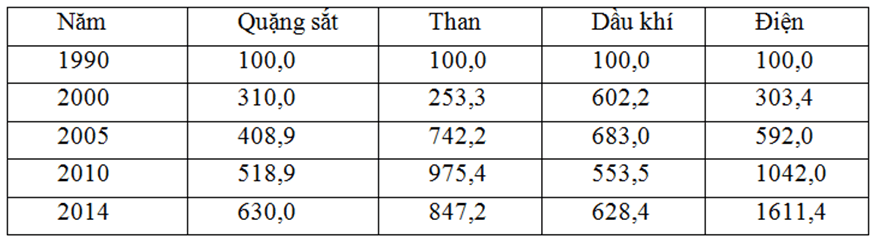
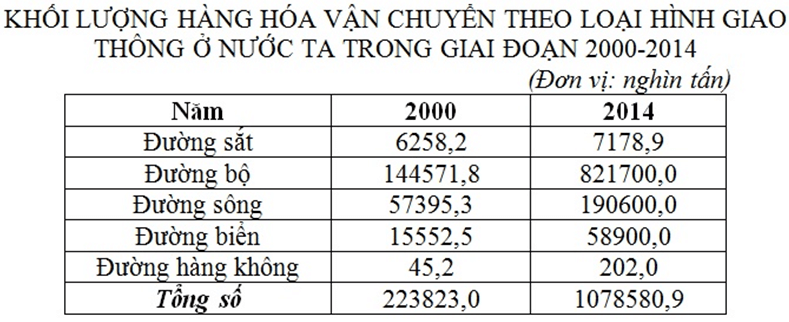
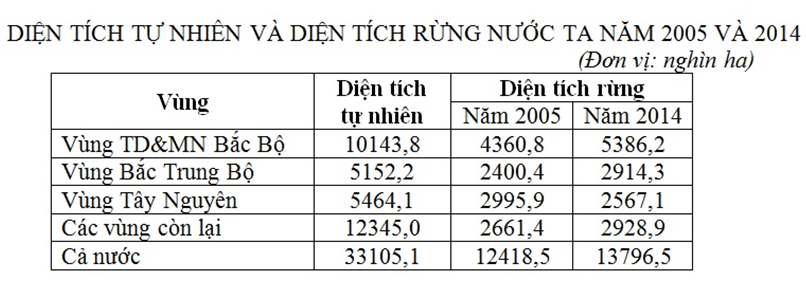
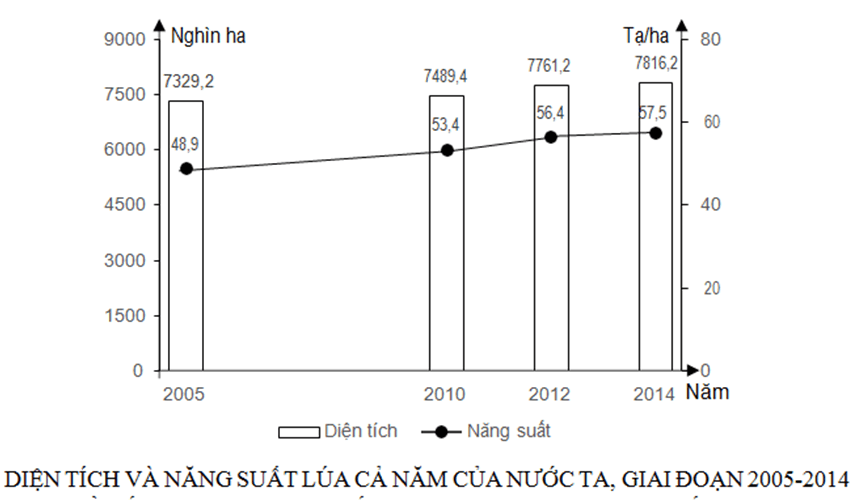
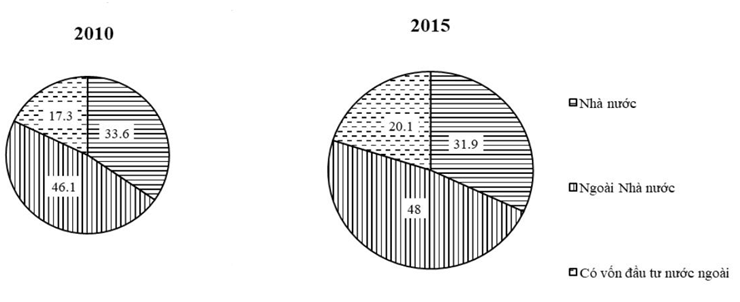
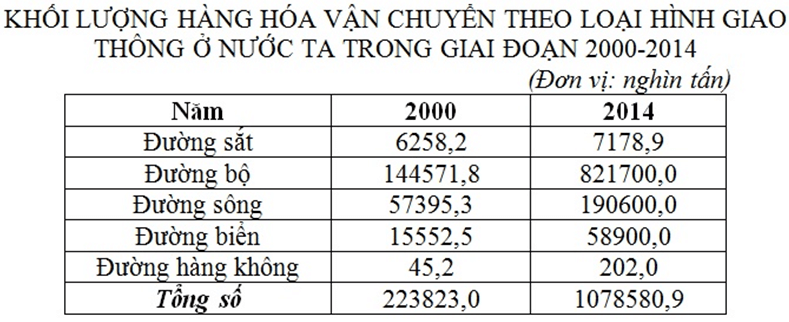
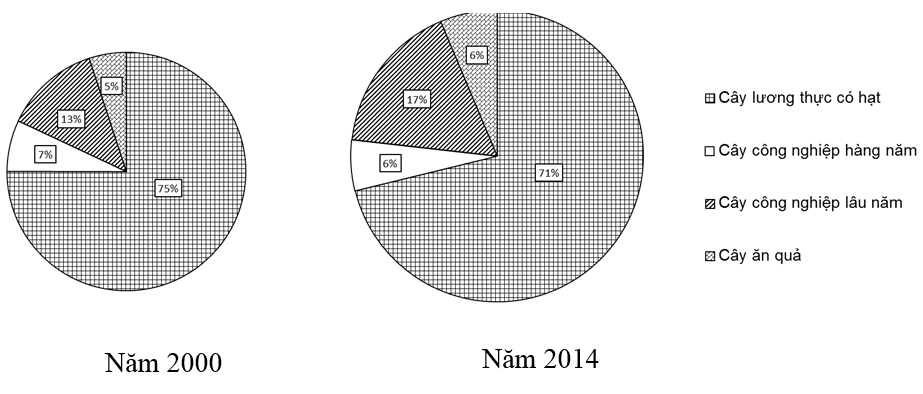
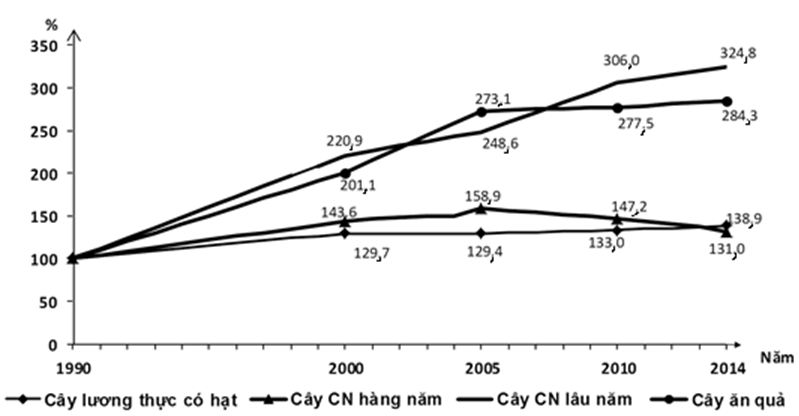
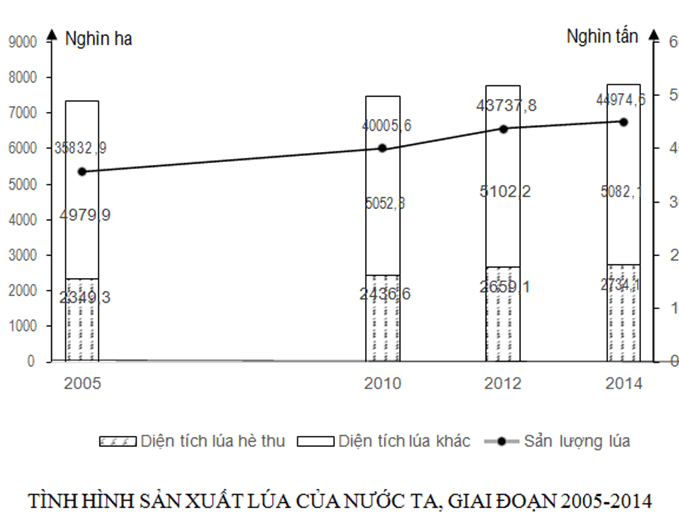
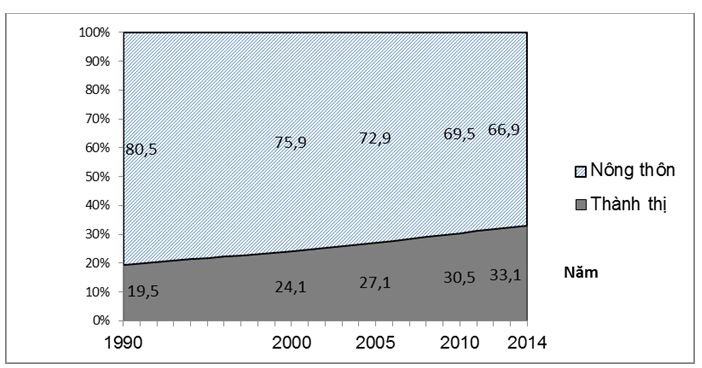
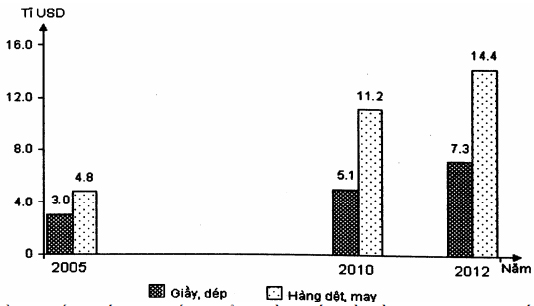
# Đề thi Giữa Học kì 2 Địa Lí lớp 12 năm 2024 có đáp án

Chỉ 100k mua trọn bộ Đề thi Địa lí 12 bản word có lời giải chi tiết:  
B1: Gửi phí vào tài khoản 0711000255837 - NGUYEN THANH TUYEN - Ngân hàng Vietcombank **(QR)**  
B2: Nhắn tin tới zalo Vietjack Official - nhấn vào đây để thông báo và nhận đề thi.  
Xem thử tài liệu tại đây: Link tài liệu  
**TOP 10 Đề thi Giữa Học kì 2 Địa Lí lớp 12 năm 2023 - 2024 có đáp án**  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 1**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa ĐB sông Hồng và ĐB sông Cửu Long:  
A. Nguồn nước.      
B. Khí hậu.  
C. Đất đai.      
D. Địa hình.  
**Câu 2:** Cà Ná là nơi nổi tiếng nước ta với sản phẩm:  
A. muối.      
B. nước mắm.  
C. đồ hộp.      
D. tôm đông lạnh.  
**Câu 3:** Than Antraxit tập trung chủ yếu ở:  
A. Thái Nguyên.      
B. Quảng Ninh.  
C. Cà Mau.      
D. Lạng Sơn.  
**Câu 4:** Đâu không phải là nguyên nhân khiến hoạt động công nghiệp ở vùng núi chậm phát triển:  
A. Thiếu lao động, nhất là lao động có tay nghề.  
B. Giao thông vận tải kém phát triển.  
C. Vị trí địa lí không thuận lợi.  
D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
**Câu 5:** Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp ngắn ngày nhờ:  
A. có nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm.  
B. có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận xích đạo.  
C. có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.  
D. có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.  
**Câu 6:** Đường dây 500KV được xây dựng nhằm mục đích:  
A. kết hợp giữa nhiệt điện và thuỷ điện thành mạng lưới điện quốcgia.  
B. khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.  
C. đưa điện về phục vụ cho nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.  
D. tạo một mạng lưới điện phủ khắp cả nước.  
**Câu 7:** Vùng nào sau đây có nghề nuôi cá nước ngọt phát triển nhất nước ta:  
A. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.  
B. Đồng bằng Sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ.  
C. Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ.  
D. Đồng bằng Sông Hồng và ĐB Sông Cửu Long.  
**Câu 8:** Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là:  
A. có nguồn nguyên liệu phong phú.  
B. có nguồn lao động dồi dào.  
C. có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
D. có nhiều cơ sở chế biến.  
**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong số các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có diện tích lưu vực nhỏ nhất?  
A. Sông Thu Bồn.      
B. Sông Đồng Nai.  
C. Sông Hồng.      
D. Sông Cả.  
**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Vinh không có ngành công nghiệp nào sau đây?  
A. Sản xuất vật liệu xây dựng.       
B. Cơ khí.  
C. Điện tử.      
D. Chế biến nông sản.  
**Câu 11:** Ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì:  
A. có hai mặt giáp biển, ngư trường lớn.  
B. có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.  
C. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.  
D. có nguồn tài nguyên thuỷ sản phong phú.  
**Câu 12:** Cho biểu đồ về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014:  
  
Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?  
A. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
B. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
D. Giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
**Câu 13:** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là:  
A. Đông Nam Bộ.      
B. ĐB sông Cửu Long.  
C. Bắc Trung Bộ.       
D. ĐB sông Hồng.  
**Câu 14:** Cho biểu đồ.  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA  
  
Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta?  
A. Cây lương thực có hạt có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
B. Cây công nghiệp hàng năm có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
C. Cây công nghiệp lâu năm có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
D. Cây ăn quả có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
**Câu 15:** Ngư trường trọng điểm số 1 hiện nay của nước ta là:  
A. Hải Phòng - Quảng Ninh.  
B. 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  
C. Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu.  
D. Cà Mau - Kiên Giang.  
**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, xác định 2 trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120.000 tỷ đồng ở nước ta?  
A. Thành phố Hồ Chí Minh và Biên Hòa.  
B. Biên Hòa và Vũng Tàu.  
C. Hà Nội và Hải Phòng.  
D. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.  
**Câu 17:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, vùng nào có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản đạt dưới 5%?  
A. Đồng bằng sông Hồng.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Tây Nguyên.  
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 18:** Ở Việt Nam hiện nay việc chăn nuôi trâu bò hướng chủ yếu vào mục đích:  
A. cung cấp thịt sữa.      
B. cung cấp sức kéo.  
C. cung cấp da.      
D. cung cấp phân bón.  
**Câu 19:** Đây là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay:  
A. Chế biến gỗ và lâm sản.      
B. Hoá chất - phân bón – cao su.  
C. Sành sứ thủy tinh.      
D. Luyện kim.  
**Câu 20:** Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi trong thời gian qua?  
A. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.  
B. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.  
C. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.  
D. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.  
**Câu 21:** Đâu không phải là điều kiện để ngành chế biến sữa ở TP. Hồ Chí Minh phát triển:  
A. Có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất.  
B. Có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi.  
C. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào.  
D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
**Câu 22:** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện:  
A. Là vùng có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong cácvùng.  
B. Là vùng có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.  
C. Là vùng tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.  
D. Là vùng có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.  
**Câu 23:** Cho bảng số liệu:  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014  
Đơn vị: %  
  
Nhận định nào đúng trong các nhận định sau?  
A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 nhìn chung có xu hướng tăng.  
B. Sản lượng ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng nhanh.  
C. Cơ cấu sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có sự thay đổi.  
D. Giá trị các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng đều.  
**Câu 24:** Tiềm năng thủy điện ở hệ thống Sông Hồng chiếm:  
A. 19% cả nước.      
B. 37% cả nước.  
C. 29% cả nước.      
D. 34% cả nước.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành nào sau đây không phải là ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?  
A. Gỗ, giấy xenlulô.  
B. Giấy, in, văn phòng phẩm.  
C. Dệt may, da giày.  
D. Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.  
**Câu 26:** Ngành công nghiệp nào sau đây có thế mạnh đặc biệt quan trọng và cần phải đi trước một bước:  
A. Công nghiệp điện lực.  
B. Công nghiệp điện tử.  
C. Công nghiệp hóa chất.  
D. Công nghiệp thực phẩm.  
**Câu 27:** Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta là:  
A. Bắc Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Trung du miền núi Bắc Bộ.  
D. Tây Nguyên.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết tên nhà máy nhiệt điện có công suất dưới 1000 MW?  
A. Phả Lại.      
B. Cà Mau.  
C. Phú Mỹ.      
D. Bà Rịa.  
**Câu 29:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta không phải là ngành:  
A. đem lại hiệu quả kinh tế cao.  
B. dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư của nước ngoài.  
C. có thế mạnh lâu dài.  
D. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.  
**Câu 30:** Đâu không phải là vai trò của ngành sản xuất lương thực:  
A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  
B. Đảm bảo lương thực cho nhân dân, thức ăn cho chăn nuôi.  
C. Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người.  
D. Là mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?  
A. Nam Trung Bộ.      
B. Tây Nguyên.  
C. Nam Bộ.      
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 32:** Vùng có diện tích chè lớn nhất cả nước là:  
A. Tây Nguyên.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh không đạt trên 60%?  
A. Kon Tum.      
B. Đồng Nai.  
C. Quảng Bình.      
D. Lâm Đồng.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản đạt trên 200.000 tấn?  
A. Bạc Liêu.      
B. Bình Định.  
C. Kiên Giang.      
D. Bình Thuận.  
**Câu 35:** Điểm khác nhau cơ bản giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam:  
A. Miền Nam quy mô lớn hơn.  
B. Miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.  
C. Miền Bắc gần nguồn nguyên liệu, miền Nam gần thành phố.  
D. Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.  
**Câu 36:** Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do:  
A. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.  
B. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm.  
C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.  
D. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.  
**Câu 37:** Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi, đường bờ biển dài, có nhiều rừng ngập mặn, rừng phi lao ven biển nên:  
A. lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.  
B. lâm nghiệp có vai trò quan trọng hàng đầu trong cơ cấu nông nghiệp  
C. rừng rất dễ bị tàn phá.  
D. lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế và sinh thái của hầu hết các vùng lãnh thổ.  
**Câu 38:** Cho bảng số liệu  
KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI NƯỚC TA  
Đơn vị:nghìn tấn  
  
  
  
Năm  
Đường sắt  
Đường bộ  
Đường sông  
Đường biển  
  
  
1995  
4515,0  
91202,3  
37653,7  
7306,9  
  
  
2000  
6258,2  
144571,8  
57395,3  
15552,5  
  
  
2005  
8786, 6  
298051, 3  
111145, 9  
42051, 5  
  
  
2011  
7285, 1  
654127, 1  
160164, 5  
63904, 5  
  
  
  
Để thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta giai đoạn 1995 - 2011, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.      
B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ kết hợp.      
D. Biểu đồ đường.  
**Câu 39:** Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thuỷ điện ở nước ta là:  
A. sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.  
B. sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.  
C. miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.  
D. sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.  
**Câu 40:** Đây là một trong những phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta:  
A. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.  
B. Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp linh hoạt.  
C. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.  
D. Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  
**Đáp án và Thang điểm**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa ĐB sông Hồng và ĐB sông Cửu Long:  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Cà Ná là một xã thuộc huyện Thuận Nam. Là vùng đất cực nam của tỉnh Ninh Thuận. Nơi nổi tiếng nước ta với muối biển.  
Chọn: A.  
**Câu 3:** Than Antraxit tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh. Than ở đây có chất lượng rất tốt.  
Chọn: B.  
**Câu 4:** Có thị trường tiêu thụ rộng lớn không phải là nguyên nhân khiến hoạt động công nghiệp ở vùng núi chậm phát triển.  
Chọn: D.  
**Câu 5:** Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp ngắn ngày nhờ có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ thích hợp với điều kiện trồng cây công nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 6:** Đường dây 500KV được xây dựng nhằm mục đích khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.  
Chọn: B.  
**Câu 7:** Đồng bằng Sông Hồng và ĐB Sông Cửu Long có nhiều điều kiện để nuôi cá nước ngọt (sông, hồ, kênh rạch,...).  
Chọn: D.  
**Câu 8:** Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là có nguồn nguyên liệu phong phú (từ nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi).  
Chọn: A.  
**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 (biểu đồ tròn), trong số các hệ thống sông, hệ thống sông có diện tích lưu vực nhỏ nhất là sông Thu Bồn (3,12%), Sông Cả (5,34%), sông Đồng Nai (11,27%), sông Hồng (21,91%)  
Chọn: A.  
**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (công nghiệp chung), trung tâm công nghiệp Vinh có các ngành cơ khí, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng.  
Chọn: C.  
**Câu 11:** Ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì vùng có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.  
Chọn: B.  
**Câu 12:** Biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
Chọn: C.  
**Câu 13:** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là ĐB sông Hồng.  
Chọn: D.  
**Câu 14:** Nhìn vào biểu đồ và so sánh sự tăng trưởng của các loại cây.  
Cây CN lâu năm tăng trưởng nhanh nhất, tiếp đến là cây ăn quả, sau đó là cây lương thực có hạt, thấp nhất là cây hàng năm.  
Đáp án: B.  
**Câu 15:** Nước ta có 4 ngư trường trọng điểm: (Ngư trường trọng điểm số 1) Cà Mau – Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan). Ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ). Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.  
Chọn: D.  
**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp chung). Hai trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120.000 tỷ đồng ở nước ta là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.  
Chọn: D.  
**Câu 17:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, vùng có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản đạt dưới 5% là: Tây Nguyên, do vùng không giáp biển.  
Chọn: C.  
**Câu 18:** Do đặc điểm, tập quan sinh sống nên ở Việt Nam hiện nay việc chăn nuôi trâu bò hướng chủ yếu vào mục đích cung cấp thịt sữa.  
Chọn: A.  
**Câu 19:** Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là: Công nghiệp Năng lượng; Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; Công nghiệp dệt may; Công nghiệp Hóa chất - phân bón - cao su; Công nghiệp vật liệu xây dựng; Công nghiệp cơ khí - điện tử.  
Chọn: B.  
**Câu 20:** Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi trong thời gian qua là: Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn nhờ sự phát triển của ngành chế biến lương thực thực phẩm và phụ phẩm nông nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 21:** Điều kiện để ngành chế biến sữa ở TP. Hồ Chí Minh phát triển là: Có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất; Có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để chăn nuôi bò sữa; Có thị trường tiêu thụ lớn.  
Chọn: B.  
**Câu 22:** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện: Là vùng tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.  
Chọn: C.  
**Câu 23:** Bảng số liệu đã cho là bảng số liệu về tốc độ tăng trưởng sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 nên các nhận xét khác không chính xác.  
Đáp án: A.  
**Câu 24:** Tiềm năng thủy điện ở hệ thống Sông Hồng chiếm 37% tiềm năng thủy điện cả nước.  
Chọn: B.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là: Gỗ, giấy xenlulô; Giấy, in, văn phòng phẩm; Dệt may, da giày.  
Chọn: D.  
**Câu 26:** Công nghiệp điện lực là động lực cho các ngành kinh tế và được coi như cơ sở hạ tầng quan trọng nhất trong toàn bộ cơ cấu hạ tầng sản xuất. Thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, nâng cao trình độ phát triển của xã hội và là một trong những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của một quốc gia.  
Chọn: A.  
**Câu 27:** Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta là: Đông Nam Bộ. Vùng thứ 4 là Tây Nguyên, thứ 3 là Trung du miền núi Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (CN Năng lượng), nhà máy nhiệt điện có công suất dưới 1000 MW là Bà Rịa.  
Chọn: D.  
**Câu 29:** Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là ngành có thế mạnh phát triển lâu dài, mang lại hiệu quả kinh tế cao và có tác động tích cực đến nhiều ngành kinh tế khác.  
Chọn: B.  
**Câu 30:** Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người không phải là vai trò của ngành sản xuất lương thực.  
Chọn: C.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 (Khí hậu), Đà Lạt thuộc vùng khí hậu Nam Bộ.  
Chọn: C.  
**Câu 32:** Vùng có diện tích chè lớn nhất cả nước là Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
Chọn: C.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Lâm nghiệp), Đồng Nai có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh không đạt trên 60%.  
Chọn: B.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Thủy sản), Kiên Giang có sản lượng thủy sản đạt trên 200.000 tấn. (Chỉ tính riêng thủy sản khai thác đã đạt 315 157 tấn).  
Chọn: C.  
**Câu 35:** Điểm khác nhau cơ bản giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam là các nhà máy nhiệt điện miền Bắc chạy bằng than, nhà máy nhiệt điện ở miền Nam chạy bằng dầu, khí.  
Chọn: B.  
**Câu 36:** Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.  
Chọn: C.  
**Câu 37:** Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi, đường bờ biển dài, có nhiều rừng ngập mặn, rừng phi lao ven biển nên: lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế và sinh thái của hầu hết các vùng lãnh thổ.  
Chọn: D.  
**Câu 38:** từ khóa “tốc độ tăng trưởng”, biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta giai đoạn 1995 – 2011, là biểu đồ đường  
Chọn: D.  
**Câu 39:** Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thuỷ điện ở nước ta là: sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.  
Chọn: A.  
**Câu 40:** Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp linh hoạt là một trong những phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.  
Chọn: B.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 2**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Cho bảng số liệu:  
  
Dựa vào kết quả xử lí số liệu từ bảng trên, hãy cho biết loại hình giao thông vận tải nào có tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển cao nhất trong giai đoạn 2000-2014 ở nước ta:  
A. Đường sắt.  
B. Đường bộ.  
C. Đường biển.  
D. Đường hàng không.  
**Câu 2:** Vùng trồng dừa lớn nhất nước ta hiện nay:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 3:** Điều kiện ít hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực cộng nghiệp ở nước ta hiện nay là:  
A. thị trường tiêu thụ sẩn phẩm.  
B. chính sách phát triển công nghiệp.  
C. dân cư, nguồn lao động.  
D. cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng.  
**Câu 4:** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta là:  
A. Đông Nam Bộ và Trung du - miền núi Bắc Bộ.  
B. Trung du - miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.  
C. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.  
D. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.  
**Câu 5:** Đặc trưng không phải của nền nông nghiệp hàng hóa là  
A. Sử dụng nhiều máy móc, vật tư, công nghệ mới.  
B. Nông sản được sản xuất theo hướng đa canh.  
C. Người sản xuất quan tâm đến thị trường tiêu thụ sản phẩm.  
D. Sản xuất chuyên canh một hoặc một số ít loại nông sản.  
**Câu 6:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là:  
A. thuế xuất khẩu cao.  
B. tỉ trọng hàng gia công lớn.  
C. chất lượng sản phẩm chưa cao.  
D. làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.  
**Câu 7:** Biện pháp vững chắc, hiệu quả nhất để hoàn thiện cơ cấu công nghiệp nước ta là:  
A. ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  
B. đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp.  
C. hạ giá thành sản phẩm.  
D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.  
**Câu 8:** Căn cứ vào biểu đồ tròn ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta trong giai đoạn 2000-2007?  
A. Tỉ trọng gia súc luôn cao nhất nhưng có xu hướng giảm.  
B. tỉ trọng sản phẩm không qua giết thịt thấp nhất và ít biến động.  
C. Giá trị sẩn xuất ngành chăn nuôi tăng gấp gần 1,6 lần.  
D. Tỉ trọng gia cầm có xu hướng giảm khá nhanh.  
**Câu 9:** Ở nước ta các điểm công nghiệp đơn lẻ, rời rạc thường tập trung ở:  
A. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.  
B. Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Bắc.  
D. Tây Bắc và Tây Nguyên.  
**Câu 10:** Xu hướng biến động của cơ cấu công nghiệp theo ngành là:  
A. thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở ngoài nước.  
B. thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể trong và ngoài nước.  
C. thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở trong nước.  
D. không thay đổi theo thời gian.  
**Câu 11:** Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là:  
A. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.  
B. lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.  
C. tiến bộ khoa học kĩ thuật.  
D. điều kiện tự nhiên thuận lợi.  
**Câu 12:** Cho bảng số liệu.  
  
Từ bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây không đúng về hiện trạng rừng ở nước ta?  
A. Trong giai đoạn 2005-2014, TD và MN Bắc Bộ là vùng có diện tích rừng tăng nhiều nhất, với mức tăng 1025,4 nghìn ha.  
B. Trong giai đoạn 2005-2014, diện tích rừng ở tất cả các vùng của nước ta đều tăng.  
C. Bắc Trung Bộ là vùng có độ che phủ rừng (năm 2014) cao nhất cả nước, với hơn 56,5%.  
D. TD và MN Bắc Bộ là vùng có diện tích rừng lớn nhất cả nước (năm 2014), chiếm hơn 39,0%.  
**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, các tỉnh có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt dưới 10% (năm 2007) tập trung chủ yếu tại:  
A. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.  
D. Trung du - miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.  
**Câu 14:** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc lớn ở nước ta là:  
A. nắm được các yêu cầu của thị trường.  
B. phát triển dịch vụ thú y.  
C. đẩm bảo chất lượng con giống.  
D. phát triển thêm các đồng cỏ.  
**Câu 15:** Vụ lúa có năng suất cao nhất trong năm ở nước ta là:  
A. đông xuân.      
B. chiêm.  
C. hè thu.      
D. mùa.  
**Câu 16:** Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Tây Nguyên.  
C. Trung du miền núi Bắc Bộ.  
D. Đông Nam Bộ.  
**Câu 17:** Cho biểu đồ:  
  
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với diện tích và năng suất lúa cả năm của nước ta, giai đoạn 2005-2014?  
A. Diện tích tăng, năng suất giảm.  
B. Diện tích giảm, năng suất tăng.  
C. Diện tích và năng suất đều tăng.  
D. Diện tích và năng suất đều giảm.  
**Câu 18:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng suy giảm chủ yếu là do:  
A. phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.  
B. phá rừng để lấy đất xây dựng các khu đô thị.  
C. phá rừng để khai thác gỗ củi phục vụ nhu cầu sinh hoạt.  
D. ô nhiếm môi trường đất và nước rừng ngập mặn.  
**Câu 19:** Các vườn quốc gia ở nước ta như Cát Bà, Tam Đảo, Cúc Phương... thuộc nhóm:  
A. rừng đặc dụng.      
B. rừng sản xuất.  
C. rừng bảo vệ nghiêm gặt.      
D. rừng phòng hộ.  
**Câu 20:** Tam giác tăng trưởng du lịch ở phía Bắc nước ta bao gồm:  
A. Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.  
B. Hà Nội, Hải Phòng, Cao bằng.  
C. Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn.  
D. Hà Nội, Lạng Sơn, Hà Giang.  
**Câu 21:** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do:  
A. chất đất phù sa màu mỡ hơn.  
B. sử dụng nhiều giống cao sản.  
C. đẩy mạnh thâm canh.  
D. người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.  
**Câu 22:** Ở nước ta, ngành công nghiệp được xem là cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải “đi trước một bước” là:  
A. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.  
B. công nghiệp khai thác dầu khí.  
C. công nghiệp cơ khí.  
D. công nghiệp điện lực.  
**Câu 23:** Cho biểu đồ về GDP theo thành phần kinh tế của nước ta:  
(Đơn vị: %)  
  
Biểu đồ trên thể hiện đầy đủ nội dung nào sau đây?  
A. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 đến năm 2015.  
B. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
C. Quy mô giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
D. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
**Câu 24:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hai tỉnh (thành phố) có giá trị nhập khẩu hàng hóa (năm 2007) lớn nhất nước ta là:  
A. TP Hồ Chí Minh và Đồng Nai.  
B. TP Hồ Chí Minh và Bình Dương.  
C. TP Hồ Chí Minh và Hà Nội.  
D. TP Hồ Chí Minh và Bà Rịa-Vũng Tàu  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, các mỏ khí đốt đang được khai thác ở nước ta (năm 2007) là:  
A. Lan Đỏ, Lan Tây, Rồng.  
B. Lan Đỏ, Tiền Hải, Đại Hùng.  
C. Hồng ngọc, Rồng, Tiền Hải.  
D. Lan Đỏ, Lan Tây, Tiền Hải.  
**Câu 26:** Công nghiệp khai thác dầu khí nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta là do:  
A. sản lượng khai thác lớn.  
B. mang lại hiệu quả kinh tế cao.  
C. có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
D. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.  
**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết ngành nào sau đây không xuất hiện ở trung tâm công nghiệp Hải Phòng?  
A. chế biến nông sản.  
B. đóng tàu.  
C. luyện kim màu.  
D. sản xuất vật liệu xây dựng.  
**Câu 28:** Năng suất lao động trong ngành khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp do:  
A. nguồn lợi cá đang bị suy thoái.  
B. phương tiện khai thác còn lạc hậu.  
C. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.  
D. người dân thiếu kinh nghiệm đánh bắt.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác (năm 2007) cao nhất nước ta là:  
A. Kiên Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu.  
B. Bình Thuận và Bình Định.  
C. Cà Mau và Bình Định.  
D. Kiên Giang và Cà Mau.  
**Câu 30:** Ngành công nghiệp chế bến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta chưa phát triển là do:  
A. thiếu nguồn lao động có trình độ.  
B. nguồn nguyên liệu chưa đảm bảo.  
C. công nghệ sản xuất còn lạc hậu.  
D. nguồn vốn đầu tư hạn chế.  
**Câu 31:** Than nâu ở nước ta tập trung nhiều ở:  
A. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
B. Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Bể than Đông Bắc.  
D. Đồng bằng sông Hồng.  
**Câu 32:** Ở nước ta, vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi phát triển là do:  
A. có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.  
B. Các giống vật nuôi địa phương đa dạng, có giá trị kinh tế cao.  
C. có nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
D. có điều kiện tự nhiên thuận lợi, lực lượng lao động dồi dào.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7 và trang 4-5, hãy cho biết Vịnh Quy Nhơn là vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào sau đây:  
A. Bình Định.      
B. Quảng Ngãi.      
C. Quảng Nam.      
D. Phú Yên.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?  
A. TP. Hồ Chí Minh.  
B. Thái Nguyên.  
C. Bến Tre.  
D. Hải Phòng.  
**Câu 35:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào có ý nghĩa quốc gia?  
A. Đà Nẵng.      
B. Vinh.      
C. Đông Hà.      
D. Đồng Hới.  
**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết cây điều ở nước ta được trồng tập trung ở những vùng nào?  
A. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, DH Nam Trung Bộ  
B. Đông Nam Bộ, DH Nam Trung Bộ, ĐB sông Hồng.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ.  
D. Tây Nguyên, DH Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ.  
**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây có biên giới giáp với Trung Quốc và Lào?  
A. Lào Cai.      
B. Điện Biên.      
C. Hà Giang.      
D. Sơn La.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?  
A. Nam Trung Bộ.      
B. Đông Bắc Bộ.  
C. Tây Bắc Bộ.      
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 39:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong số các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất?  
A. Sông Đồng Nai.      
B. Sông Cả.      
C. Sông Hồng.      
D. Sông Mã.  
**Câu 40:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây không giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?  
A. Kiên Giang.      
B. Cà Mau.      
C. Đồng Tháp.      
D. An Giang.  
**Đáp án và Thang điểm**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển:  
Đường sắt = 114,7%  
Đường bộ = 568,4%  
Đường biển = 378,7%  
Đường hàng không = 447,0%  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Nhờ điều kiện khí hậu và đất đai thuận lợi, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng dừa lớn nhất nước ta hiện nay.  
Chọn: A.  
**Câu 3:** Điều kiện ít hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực cộng nghiệp ở nước ta hiện nay là cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng nước ta còn hạn chế.  
Chọn: D.  
**Câu 4:** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là 2 vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.  
Chọn: C.  
**Câu 5:** Sản xuất chuyên canh một hoặc một số ít loại nông sản không phải là đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa.  
Chọn: D.  
**Câu 6:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là: trọng hàng gia công lớn, chủ yếu là sản phẩm thô.  
Chọn: B.  
**Câu 7:** Biện pháp vững chắc, hiệu quả nhất để hoàn thiện cơ cấu công nghiệp nước ta là đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp để tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có, vừa thích ứng được với thị trường nhiều biến động.  
Chọn: D.  
**Câu 8:** Tỉ trọng gia súc luôn cao nhất (trên 60%), có xu hướng tăng.  
Chọn: A.  
**Câu 9:** Do dặc điểm địa hình, trình độ phát triển kinh tế khu vực Tây Bắc và Tây Nguyên chủ yếu có các điểm công nghiệp đơn lẻ, rời rạc,  
Chọn: D.  
**Câu 10:** Xu hướng biến động của cơ cấu công nghiệp theo ngành là để thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể trong và ngoài nước.  
Chọn: B.  
**Câu 11:** Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng (nhu cầu về sản phẩm cây công nghiệp ngày càng lớn) đã thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây.  
Chọn: A.  
**Câu 12:** Trong giai đoạn 2005-2014, diện tích rừng ở Tây Nguyên có xu hướng giảm nên nhận định B không đúng.  
Chọn: B.  
**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19 (Cây công nghiệp), các tỉnh có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt dưới 10% (màu xanh nhạt nhất) (năm 2007) tập trung chủ yếu tại: Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.  
Chọn: A.  
**Câu 14:** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc lớn ở nước ta là cần nắm được các yêu cầu của thị trường để có hướng chăn nuôi, cơ cấu chăn nuôi, thời điểm chăn nuôi phù hợp, tránh được các rủi ro.  
Chọn: A.  
**Câu 15:** Vụ lúa đông xuân thường là vụ lúa có điều kiện thuận lợi nhất nên có năng suất cao nhất trong năm ở nước ta.  
Chọn: A.  
**Câu 16:** Tây Nguyên là vùng kinh tế duy nhất mà quốc lộ 1 không chạy qua.  
Chọn: B.  
**Câu 17:** Nhìn vào biểu đồ ta có 1 số nhận xét sau: Diện tích và năng suất lúa tăng liên tục qua các năm.  
Đáp án: C.  
**Câu 18:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng suy giảm chủ yếu là do phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.  
Chọn: A.  
**Câu 19:** Các vườn quốc gia, các khu dự trữ sinh quyển đều thuộc nhóm rừng đặc dụng.  
Chọn: A.  
**Câu 20:** Tam giác tăng trưởng du lịch ở phía Bắc nước ta bao gồm các trung tâm du lịch: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.  
Chọn: A.  
**Câu 21:** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do: đẩy mạnh thâm canh.  
Chọn: C.  
**Câu 22:** Công nghiệp điện lực là động lực cho các ngành kinh tế và được coi như cơ sở hạ tầng quan trọng nhất trong toàn bộ cơ cấu hạ tầng sản xuất. Thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp; thu hút hàng loạt ngành công nghiệp; Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, nâng cao trình độ phát triển của xã hội và là một trong những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của một quốc gia.  
Chọn: D.  
**Câu 23:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, biểu đồ thể hiện nội dung: Quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
Đáp án: B.  
**Câu 24:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24 (Thương mại), quan sát cột thể hiện giá trị xuất nhập khẩu. TP Hồ Chí Minh và Hà Nội có giá trị nhập khẩu hàng hóa (năm 2007) lớn nhất nước ta.  
Chọn: C.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (Công nghiệp năng lượng), xác định kí hiệu các mỏ khí đốt đang được khai thác. Đó là, Lan Đỏ, Lan Tây, Tiền Hải.  
Chọn: D.  
**Câu 26:** Công nghiệp khai thác dầu khí nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta là do mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, công nghiệp khai thác dầu khí phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp chung). Các ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là: chế biến nông sản, đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, cơ khí, luyện kim đen, điện tử.  
Chọn: C.  
**Câu 28:** Năng suất lao động trong ngành khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp do phương tiện khai thác còn lạc hậu.  
Chọn: B.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Thủy sản – cột màu hồng), hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác (năm 2007) cao nhất nước ta là: Kiên Giang (315157 tấn) và Bà Rịa - Vũng Tàu (220322 tấn)  
Chọn: A.  
**Câu 30:** Ngành công nghiệp chế bến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta chưa phát triển là do các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng sữa, ... còn ở địa vị thứ yếu so với ngành trồng trọt.  
Chọn: C.  
**Câu 31:** Than nâu ở nước ta tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng với trữ lượng hàng chục tỉ tấn.  
Chọn: D.  
**Câu 32:** Nhờ có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú (từ ngành trồng trọt), thị trường tiêu thụ rộng lớn (tập trung đông dân cư, gần vùng có nhu cầu cao, nhu cầu nước ngoài).  
Chọn: C.  
**Câu 33:** Quy Nhơn là thành phố ven biển miền Trung Việt Nam và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Bình Định, được bình chọn là điểm đến hàng đầu Đông Nam Á bởi tạp chí du lịch Rough Guides của Anh vào năm 2015.  
Chọn: A.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm) TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội là 2 trung tâm có quy mô rất lớn.  
Chọn: A.  
**Câu 35:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25 (Du lịch), xác định kí hiệu trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia. Đà Nẵng, Hà Nội, Huế, TP.Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia.  
Chọn: A.  
**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19 (Cây công nghiệp), các định kí hiệu cây điều. Cây điều ở nước ta được trồng tập trung ở Tây Nguyên, DH Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ.  
Chọn: A.  
**Câu 37:** Điện Biên là tỉnh có biên giới tiếp giáp với 2 quốc qua: Trung Quốc và Lào.  
Chọn: B.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, (khí hậu), Sa Pa thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 39:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, (Hệ thống sông – biểu đồ tròn), hệ thống sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất trong 4 sông được nêu là sông Hồng (21,91%), sông Đồng Nai (11,27%), các sông còn lại dưới 6%.  
Chọn: C.  
**Câu 40:** Cà Mau là tỉnh không có đường biên giới trên đất liền.  
Chọn: B  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 3**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Cho bảng số liệu:  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014  
Đơn vị: %  
  
Nhận định nào không đúng trong các nhận định sau?  
A. Sản lượng khai thác than có tốc độ tăng trưởng đồng đều qua các năm.  
B. Sản lượng ngành công nghiệp điện giai đoạn 1990 – 2014 có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng ngành công nghiệp dầu khí giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng đều qua các năm.  
D. Sản lượng ngành khai thác quặng sắt của nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng.  
**Câu 2:** Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên của nước ta là:  
A. phát triển các mô hình kinh tế trang trại.  
B. nâng cao chất lượng đội ngũ lao động.  
C. xây dựng cơ sở CN chế biến gắn với vùng chuyên canh.  
D. thay đổi giống cây trồng.  
**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất?  
A. Dịch vụ.      
B. Công nghiệp và xây dựng.  
C. Kinh tế biển.      
D. Nông, lâm nghiệp, thủy sản.  
**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây không đúng về ngoại thương của nước ta ở thời kì sau Đổi mới?  
A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
B. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.  
C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.  
D. Có quan hệ buôn bán với nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.  
**Câu 5:** Chuyển biến cơ bản của ngoại thương về mặt quy mô xuất khẩu là:  
A. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục.  
B. Có nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực.  
C. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng.  
D. Có nhiều bạn hàng lớn: Hoa Kì, Nhật Bản,...  
**Câu 6:** Những vùng nào sau đây là vùng trồng nhiều đậu nhất cả nước:  
A. Trung du miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.  
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.  
**Câu 7:** Ở nước ta, điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là:  
A. khí hậu cận xích đạo, khô nóng quanh năm.  
B. đất badan giàu dinh dưỡng, khí hậu cận xích đạo.  
C. đất feralit phân bố trên các cao nguyên xếp tầng.  
D. đất badan có tầng phong hóa dày, mưa theo mùa.  
**Câu 8:** Nguyên nhân chính giúp diện tích gieo trồng lúa của nước ta trong thời gian qua có xu hướng tăng là:  
A. Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật.  
B. Khai hoang mở rộng diện tích.  
C. Thực hiện tốt công tác thủy lợi.  
D. Thâm canh, tăng vụ.  
**Câu 9:** Nhân tố nào sau đây không thể hiện tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực của nước ta:  
A. Giá thành xây dựng các nhà máy thấp.  
B. Nguồn thủy năng dồi dào trên các sông.  
C. Nhu cầu năng lượng điện rất lớn.  
D. Nguồn nhiên liệu (than, dầu) dồi dào.  
**Câu 10:** Cho bảng số liệu:  
XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA  
MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015  
Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ  
  
  
  
   
Ma-lai-xi-a  
Thái Lan  
Xin-ga-po  
Việt Nam  
  
  
Xuất khẩu  
210,1  
272,9  
516,7  
173,3  
  
  
Nhập khẩu  
187,4  
228,2  
438,0  
181,8  
  
  
  
Để thể hiện quy mô và cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xia, Xingapo và Việt Nam năm 2015, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.      
B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ đường.      
D. Biểu đồ tròn.  
**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?  
A. Tp.Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang.  
B. Cần Thơ, Cà Mau, Thanh Hóa, Quảng Ngãi.  
C. Hải Phòng, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.  
D. Hà Nội, Thái Nguyên, Hạ Long, Việt Trì.  
**Câu 12:** Ở nước ta, nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ:  
A. Thác Mơ.      
B. Trị An.  
C. Yaly.      
D. Cần Đơn.  
**Câu 13:** Ở nước ta, Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là do:  
A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.  
B. bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu.  
C. Nhiều bãi tôm, bãi cá, vịnh biển đẹp.  
D. kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu vận tải lớn.  
**Câu 14:** Phương hướng quan trọng nhất để khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ vùng trời - vùng biển - vùng thềm lục địa nước ta là:  
A. trang bị vũ khí quân sự.      
B. đẩy mạnh chế biến tại chỗ.  
C. đánh bắt xa bờ.      
D. đánh bắt ven bờ.  
**Câu 15:** Vùng nào sau đây là vùng đứng đầu cả nước về diện tích lúa:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.      
B. Đông Nam Bộ  
C. Đồng bằng sông Hồng.      
D. Trung du miền núi phía Bắc  
**Câu 16:** Nguyên nhân nào làm tăng thêm tính bấp bênh trong san xuất nông nghiệp của nước ta:  
A. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  
B. Nhu cầu thị trường luôn biến đổi.  
C. Kinh nghiệm của nhân dân lao động.  
D. Sự phát triển của các ngành kinh tế khác.  
**Câu 17:** Công nghiệp năng lượng được phân thành:  
A. Công nghiệp khai thác than và Công nghiệp khai dầu khí  
B. Công nghiệp khai thác nguyên nhiên liệu và sản xuất điện  
C. Công nghiệp khai thác than và sản xuất điện  
D. Công nghiệp thủy điện và Công nghiệp nhiệt điện.  
**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?  
A. Hạ Long.      
B. Thái Nguyên.  
C. Cẩm Phả.      
D. Việt Trì.  
**Câu 19:** Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là:  
A. Đồng bằng sông Hồng.  
B. Bắc Trung Bộ.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
D. Đông Nam Bộ.  
**Câu 20:** Lần đầu tiên, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta tiến tới sự cân đối vào năm:  
A. 1993.      
B. 1992.      
C. 1991.      
D. 1990.  
**Câu 21:** Cho biểu đồ về diện tích các loại cây trồng nước ta:  
  
Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?  
A. Quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
B. Cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
C. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
D. Quy mô diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết nhận định nào sau đây không đúng về GDP và cơ cấu GDP phân theo ngành của ba vùng kinh tế trọng điểm?  
A. Ngành công nghiệp và xây dựng ở vùng KTTĐ phía Nam có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.  
B. Ngành nông, lâm, thủy sản ở vùng KTTĐ miền Trung có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.  
C. Ngành dịch vụ ở vùng KTTĐ phía Bắc có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.  
D. Quy mô GDP lớn nhất là vùng KTTĐ phía Bắc, nhỏ nhất là vùng KTTĐ miền Trung.  
**Câu 23:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là?  
A. Chất lượng sản phẩm chưa cao.  
B. Giá trị thuế xuất khẩu cao.  
C. Tỉ trọng mặt hàng gia công lớn.  
D. Làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.  
**Câu 24:** Nhà máy điện nào sau đây là nhà máy thủy điện:  
A. Hiệp Phước.       
B. Đa Nhim.  
C. Uông Bí.       
D. Na Dương.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng của Đông Nam Bộ là  
A. Vũng Tàu.      
B. TP Hồ Chí Minh.  
C. Thủ Dầu Một.      
D. Biên Hòa.  
**Câu 26:** Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là:  
A. có thị trường xuất khẩu rộng mở.  
B. có nguồn lao động dồi dào, lương thấp.  
C. có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng phong phú.  
D. có nhiều cơ sở, phân bố rộng khắp trên cả nước.  
**Câu 27:** Ngành không thuộc công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là:  
A. dệt – may, da, giầy.  
B. chế biến gạo, ngô xay xát.  
C. sản xuất rượu, bia, nước ngọt.  
D. chế biến chè, cà phê, thuốc lá.  
**Câu 28:** Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác nhất nước ta là:  
A. Bể Cửu Long, bể Nam Côn Sơn.  
B. Bể Cửu Long và bể Sông Hồng.  
C. Bể Thổ Chu-Mã Lai và bể Cửu Long.  
D. Bể Nam Côn Sơn, bể Sông Hồng.  
**Câu 29:** Cho biểu đồ:  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA  
  
Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta giai đoạn 1990 - 2014?  
A. Cây lương thực có hạt có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất  
B. Cây công nghiệp hàng năm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
C. Cây công nghiệp lâu năm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
D. Cây ăn quả có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
**Câu 30:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta là ngành:  
A. công nghiệp khai thác.  
B. công nghiệp chế biến.  
C. công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí, nước.  
D. công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác.  
**Câu 31:** Điểm nào sau đây không đúng với ngành ngoại thương nước ta?  
A. Thị phần châu Á chiếm tỉ trọng không đáng kể trong cơ cấu kim ngạch nhập khẩu.  
B. Kim ngạch nhập khẩu và xuất khẩu tăng khá nhanh, đặc biệt từ 2000 đến 2005.  
C. Từ năm 1993 đến nay, tiếp tục nhập siêu, nhưng bản chất khác xa với nhập siêu thời kì trước Đổi mới.  
D. Thị trường buôn bán ngày càng được mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong tỉnh nào của vùng Tây Nguyên trồng nhiều cà phê nhất?  
A. Lâm Đồng.      
B. Đắk Nông.  
C. Đắk Lắk.      
D. Gia Lai.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) thấp nhất ở Đông Nam Bộ?  
A. Bình Dương.      
B. Đồng Nai.  
C. Tây Ninh.      
D. Bình Phước.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5,cho biết Khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây ?  
A. Phú Yên.      
B. Bình Định.  
C. Quảng Ngãi.      
D. Quảng Nam.  
**Câu 35:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7 và trang 4-5,hãy cho biết vịnhVân Phong là vịnh biển thuộc tỉnh (thành)nào sau đây?  
A. Khánh Hoà.      
B. Phú Yên.  
C. Bình Thuận.      
D. Đà Nẵng.  
**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực,thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?  
A. Thái Nguyên.      
B. TP.Hồ Chí Minh.  
C. Bến Tre.      
D. Hải Phòng.  
**Câu 37:** Nhân tố tác động mạnh mẽ tới sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta là:  
A. Nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.  
B. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.  
C. Thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.  
D. Nguồn lao động có kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.  
**Câu 38:** Năng suất lúa của nước ta trong thời gian gần đây tăng nhanh chủ yếu do:  
A. Kinh nghiệm người dân được phát huy.  
B. Mở rộng diện tích trồng lúa.  
C. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.  
D. Thời tiết ổn định hơn so với giai đoạn trước.  
**Câu 39:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là  
A. Tăng số lượng tàu thuyền và công suất của tàu.  
B. Phát triển công nghiệp chế biến.  
C. Mở rộng thị trường.  
D. Ngư dân có nhiều kinh nghiệm.  
**Câu 40:** Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm vì:  
A. Giá cả hợp lý.  
B. Nhiều bãi biển đẹp.  
C. Không có mùa đông lạnh.  
D. Cơ sở lưu trú tốt.  
**Đáp án và Thang điểm**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** So sánh tốc độ tăng trưởng sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 .  
Than: Tăng nhanh trong giai đoạn đầu, chậm trong giai đoạn cuối.  
Điện: Tăng nhanh nhất.  
Quặng sắt tăng qua các năm.  
Chọn: C.  
**Câu 2:** Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên của nước ta là: xây dựng cơ sở CN chế biến gắn với vùng chuyên canh.  
Chọn: C.  
**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27 (biểu đồ tròn), trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, khu vực công nghiệp xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất (36,4%), dịch vụ đứng thứ 2 (36%).  
Chọn: B .  
**Câu 4:** Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu không ổn định, thường nhập siêu. Nên C sai.  
Chọn: C.  
**Câu 5:** tổng kim ngạch xuất khẩu là thước đo quy mô xuất khẩu.  
Nhiều mặt hàng xuất khẩu là nói về cơ cấu hàng. có nhiều bạn hàng lớn như: Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc là nói về thị trường xuất khẩu. Nên A đúng.  
Chọn: A.  
**Câu 6:** Đông Nam Bộ, Tây Nguyên là 2 vùng đứng đầu cả nước về diện tích trồng đậu. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn C.  
**Câu 7:** Ở nước ta, điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là có đất badan giàu dinh dưỡng, khí hậu cận xích đạo.  
Chọn: B.  
**Câu 8:** Nguyên nhân chính giúp diện tích gieo trồng lúa của nước ta trong thời gian qua có xu hướng tăng là nước ta tiến hành thâm canh, tăng vụ.  
Chọn: D.  
**Câu 9:** Giá thành xây dựng các nhà máy thấp không phải là tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực của nước ta.  
Chọn: A.  
**Câu 10:** Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ biểu hiện cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xia, Xingapo và Việt Nam năm 2015 là biểu đồ tròn; cụ thể mỗi nước 1 biểu đồ tròn.  
Đáp án: D.  
**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp), xác định quy mô trung tâm công nghiệp từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng. Đó là các trung tâm: Hải Phòng, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.  
Chọn: C.  
**Câu 12:** Yaly là nhà máy thủy điện nằm trên sông Xê Xan (Tây Nguyên).  
Chọn: C.  
**Câu 13:** Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là do có bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu.  
Chọn: B.  
**Câu 14:** Phương hướng quan trọng nhất để khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ vùng trời- vùng biển- vùng thềm lục địa nước ta là đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.  
Chọn: C.  
**Câu 15:** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đứng đầu cả nước về diện tích lúa: chiếm trên 50% diện tích trồng lúa cả nước. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn A.  
**Câu 16:** Nguyên nhân nào làm tăng thêm tính bấp bênh trong san xuất nông nghiệp của nước ta là Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Bởi điều kiện này gây ra các khó khăn như độ ẩm cao (khó bảo quản nông sản), điều kiện nóng ẩm (dễ sinh dịch bệnh), nhiều thiên tai bão lũ…  
Chọn A.  
**Câu 17:** Công nghiệp năng lượng được phân thành: Công nghiệp khai thác nguyên nhiên liệu (khai thác than, dầu khí và các loại khác) và sản xuất điện (thủy điện, nhiệt điện, các loại khác).  
Chọn: B  
**Câu 18:** Trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là Hạ Long (từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng). Cẩm Phả, Thái Nguyên, Việt Trì có giá trị dưới 9 nghìn tỉ đồng).  
Chọn: A.  
**Câu 19:** Với đường bờ biển dài, khúc khuỷu, Duyên hải Nam Trung Bộ trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta. Ví dụ: Nha Trang, Phan Rang , Mỹ Khê, Sa Huỳnh , Quy Nhơn, Vân Phong,...  
Chọn: C.  
**Câu 20:** Năm 1992, lần đầu tiên, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta tiến tới sự cân đối. Tỉ trọng xuất khẩu: 49,6%; Tỉ trọng nhập khẩu: 50,4%.  
Chọn: B.  
**Câu 21:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, đơn vị, biểu đồ thể hiện nội dung: Quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
Chọn: A.  
**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30 (Vùng KTTĐ – biểu đồ tròn).  
Quy mô GDP lớn nhất là vùng KTTĐ miền Nam, nhỏ nhất là vùng KTTĐ miền Trung, nên D sai.  
Chọn: D.  
**Câu 23:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là tỉ trọng mặt hàng gia công lớn: ví dụ: 90 – 95% hàng dệt may.  
Chọn: C.  
**Câu 24:** Trong các nhà máy thì nhà máy Đa Nhim là nhà máy thủy điện, nằm trên sông Đa Nhim, công suất 160MW.  
Chọn: B.  
**Câu 25:** trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng của Đông Nam Bộ là TP Hồ Chí Minh.  
Chọn: B.  
**Câu 26:** Các phương án đều đề cập đến cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta. Nhưng hiện nay, nhân tố hàng đầu với ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là do n ước ta có ngành nông nghiệp với nhiều sản phẩm: sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy hải sản.  
Chọn: C  
**Câu 27:** dệt – may, da, giầy là ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  
Chọn: A  
**Câu 28:** Thông tin sách giáo khoa Địa lí 12 trang 119.  
Chọn: A.  
**Câu 29:** Nhìn vào biểu đồ và so sánh sự tăng trưởng của các loại cây.  
Cây CN lâu năm tăng trưởng nhanh nhất, tiếp đến là cây ăn quả, sau đó là cây lương thực có hạt, thấp nhất là cây hàng năm.  
Đáp án: C.  
**Câu 30:** xem biểu đồ hình 26.1. sách giáo khoa 12, trang 113. Ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng khoảng 80% trong cơ cấu công nghiệp phân theo 3 nhóm ngành. Năm 2005, chiếm 83,2%.  
Chọn: B  
**Câu 31:** Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là khu vực châu Á – Thái Bình Dương và châu Âu. Nên A sai.  
Chọn: A.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, xác định kí hiệu cà phê. Tỉnh trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên là Đắk Lắk.  
Chọn: C.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 (Kinh tế chung). Trong các tỉnh đượng nêu, Tây Ninh GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) thấp nhất ở Đông Nam Bộ (màu nhạt nhất – từ 6 đến 9 triệu đồng). Bình Phước (từ 12 đến 15 triệu đồng). Đồng Nai (từ 15 đến 18 triệu đồng). Bình Dương ( trên 18 triệu đồng).  
Chọn: C.  
**Câu 34:** Khu kinh tế mở Chu Lai là một khu kinh tế thuộc tỉnh Quảng Nam, là một đòn bẩy quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.  
Chọn: D.  
**Câu 35:** Vịnh Vân Phong là tên vịnh thuộc tỉnh Khánh Hòa. Đây là một trong 21 khu du lịch quốc gia của Việt Nam.  
Chọn: A.  
**Câu 36:** trung tâm công nghiệp chế biến lương thực,thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn là Hải Phòng. TP.Hồ Chí Minh – rất lớn. Thái Nguyên, Bến Tre – vừa.  
Chọn: D.  
**Câu 37:** Dựa trên đặc điểm phát triển ngành chế biến lương thực, thực phẩm, nhân tố tác động mạnh mẽ nhất tới sự phân bố của ngành là Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ  
Chọn: B.  
**Câu 38:** Năng suất lúa của nước ta trong thời gian gần đây tăng nhanh do đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.  
Chọn: C.  
**Câu 39:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là do tăng số lượng tàu thuyền và công suất của tàu.  
Chọn: A.  
**Câu 40:** Do vị trí không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc → không có mùa đông lạnh nên hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm.  
Chọn: C.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 4**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Trong số các ngành công nghiệp sau, ngành nào không phải là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.  
A. Công nghiệp năng lượng, chế biến lương thực thực phẩm.  
B. Công nghiệp khai khoáng, luyện kim đen- luyện kim màu.  
C. Công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí điện tử.  
D. Công nghiệp dệt may, hóa chất- phân bón- cao su.  
**Câu 2:** Phong trào người Việt dùng hàng Việt không có ý nghĩa:  
A. Giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu.  
B. Thay đổi thói quen sính hàng ngoại nhập.  
C. Thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.  
D. Hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.  
**Câu 3:** Sau đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta mở rộng theo hướng:  
A. Tiếp cận với thị trường Châu Mỹ và châu Phi.  
B. Chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.  
C. Tăng mạnh vào thị trường Đông Nam Á.  
D. Đa dạng hóa, đa phương hóa.  
**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm:  
A. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.  
B. Sử dụng nhiều loại tài nguyên có quy mô lớn.  
C. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.  
D. Có thế mạnh lâu dài về tự nhiên- kinh tế - xã hội.  
**Câu 5:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là:  
A. Có nhiều hồ thủy lợi, thủy điện.  
B. Đường bờ biển dài, nhiều ngư trường lớn.  
C. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.  
D. Nhiều sông, ao hồ, bãi triều, đầm phá.  
**Câu 6:** Vùng dẫn đầu cả nước về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp là:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đông Nam Bộ.  
D. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
**Câu 7:** Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là:  
A. Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.  
B. Bãi đá cổ SaPa và thành nhà Hồ.  
C. Vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.  
D. Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.  
**Câu 8:** Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay là:  
A. Sơn La.      
B. Hòa Bình.  
C. Yaly.      
D. Thác Bà.  
**Câu 9:** Các thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là:  
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc.  
B. Bắc Mĩ và châu Á.  
C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.  
D. Châu Âu và châu Phi.  
**Câu 10:** Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta là:  
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc.  
B. Bắc Mĩ và châu Á.  
C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.  
D. Châu Âu và châu Phi.  
**Câu 11:** Con đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước là:  
A. Đường Hồ Chí Minh.       
B. Quốc Lộ 1.  
C. Quốc lộ 9.      
D. Quốc lộ 2.  
**Câu 12:** Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng:  
A. Giảm mạnh tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
B. Giảm tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm.  
C. Tăng tỉ trọng của khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, giảm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
D. Tăng tỉ trọng của khu vực nhà nước, giảm tỷ trọng của khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
**Câu 13:** Việt Nam chưa phải là nước xuất khẩu chủ yếu hàng hoá về:  
A. Công nghiệp nặng và khoáng sản.  
B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.  
C. Nông, lâm, thuỷ sản.  
D. Công nghiệp chế tạo.  
**Câu 14:** Nguyên nhân nào sau đây được xem là chủ yếu nhất làm cho kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên?  
A. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường.  
B. Tăng cường sản xuất hàng hoá.  
C. Nâng cao năng suất lao động.  
D. Tổ chức sản xuất hợp lí.  
**Câu 15:** Nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm của nước ta là:  
A. Lao động có kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.  
B. Thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.  
C. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.  
D. Nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.  
**Câu 16:** Sản lượng điện của nước ta trong những năm gần đây tăng rất nhanh chủ yếu do:  
A. Nguồn điện nhập khẩu tăng nhanh.  
B. Xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy điện khí.  
C. Đưa các nhà máy thủy điện mới vào hoạt động.  
D. Nhu cầu điện đối với sản xuất và xuất khẩu tăng.  
**Câu 17:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do:  
A. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.  
B. Sự phục hồi và phát triển của sản xuất.  
C. Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức WTO.  
D. Tiếp cận với thị trường Châu Phi và Châu Mĩ.  
**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:  
A. Vĩnh Phúc      
B. Quảng Ninh  
C. Bắc Ninh      
D. Phú Thọ  
**Câu 19:** Ngành du lịch ở nước ta thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ:  
A. Nước ta giàu tiềm năng phát triển du lịch.  
B. Chính sách đổi mới của nhà nước.  
C. Phát triển các điểm, khu du lịch thu hút khách.  
D. Quy hoạch các vùng du lịch.  
**Câu 20:** Theo cách phân loại hiện hành, các ngành công nghiệp nước ta có:  
A. 2 nhóm với 19 ngành.      
B. 4 nhóm với 23 ngành.  
C. 3 nhóm với 29 ngành.      
D. 5 nhóm với 32 ngành.  
**Câu 21:** Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong những năm qua tăng và cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là do:  
A. Các thành phần khác chưa phát huy được tiềm năng sản xuất công nghiệp.  
B. Đây là khu vực kinh tế có vai trò chủ đạo.  
C. Kết quả của việc nước ta gia nhập WTO.  
D. Kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội.  
**Câu 22:** Phát biểu nào sau đây không đúng về ngoại thương của nước ta ở thời kì sau Đổi mới?  
A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
B. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.  
C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.  
D. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.  
**Câu 23:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì:  
A. Nhu cầu về điện không cao như miền Bắc.  
B. Xa nguồn nguyên liệu.  
C. Gây ô nhiễm môi trường.  
D. Xây dựng ban đầu đòi hỏi vốn đầu tư lớn.  
**Câu 24:** Năng suất lương thực tăng mạnh chủ yếu là do:  
A. Tăng diện tích  
B. Sử dụng các biện pháp thâm canh  
C. Đưa các giống mới vào sản xuất  
D. Ít thiên tai xảy ra  
**Câu 25:** Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là:  
A. Hà Nội – Lào Cai.  
B. Hà Nội – TP Hồ Chí Minh.  
C. Lưu Xá – Kép – Bãi Cháy.  
D. Hà Nội - Thái Nguyên.  
**Câu 26:** Vùng nào sau đây là vùng trồng nhiều rau nhất cả nước:  
A. Trung du miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.  
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.  
**Câu 27:** Tổng chiều dài đường sắt nước ta là:  
A. 3134.      
B. 1343.      
C. 4134.      
D. 3143.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết cây công nghiệp không phải là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:  
A. Đậu tương.      
B. Bông.  
C. Điều.      
D. Thuốc lá.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các trung tâm du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:  
A. Hạ Long, Thái Nguyên.      
B. Thái Nguyên, Việt Trì.  
C. Hạ Long, Lạng Sơn.      
D. Hạ Long, Điện Biên Phủ.  
**Câu 30:** Các khu công nghiệp phân bố tập trung nhất ở vùng:  
A. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long.  
D. Đồng bằng sông Hồng.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết quy mô dân số các đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng xếp theo tứ tự giảm dần là:  
A. Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương.  
B. Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng.  
C. Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương.  
D. Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?  
A. Hải Phòng, Bà Rịa Vũng Tàu.      
B. Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.  
C. Hà Nội, Việt Trì.      
D. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) cao nhất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ?  
A. Bình Thuận.      
B. Khánh Hòa.      
C. Quảng Ngãi.      
D. Bình Định.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5, cho biết Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Thừa Thiên – Huế.      
B. Hà Tĩnh.  
C. Quảng Ngãi.      
D. Phú Yên.  
**Câu 35:** Cho biểu đồ:  
  
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với tình hình sản xuất lúa của nước ta, giai đoạn 2005-2014?  
A. Diện tích lúa hè thu giảm liên tục, lúa khác tăng.  
B. Diện tích lúa khác, lúa hè thu tăng liên tục.  
C. Sản lượng lúa tăng liên tục qua các năm.  
D. Diện tích lúa hè thu lớn hơn diện tích lúa khác.  
**Câu 36:** Cho biểu đồ về dân số thành thị và dân số nông thôn:  
  
Biểu đồ sau thể hiện nội dung gì?  
A. Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
B. Biểu đồ thể hiện tốc quy mô và cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
C. Biểu đồ thể hiện sự thay đổi số dân phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
D. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?  
A. Thái Nguyên.      
B. TP.Hồ Chí Minh.  
C. Bến Tre.      
D. Hải Phòng.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết những tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ( năm 2007) đạt trên 60%?  
A. Quảng Bình, Tuyên Quang, Kon Tum, Lâm Đồng  
B. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Hà Tĩnh  
C. Quảng Bình, Hà Giang, Kon Tum, Lâm Đồng  
D. Tuyên Quang, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng  
**Câu 39:** Cho bảng số liệu  
XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015  
Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ  
  
  
  
   
Ma-lai-xi-a  
Thái Lan  
Xin-ga-po  
Việt Nam  
  
  
Xuất khẩu  
210,1  
272,9  
516,7  
173,3  
  
  
Nhập khẩu  
187,4  
228,2  
438,0  
181,8  
  
  
  
Để thể hiện cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan và Việt Nam năm 2015, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.      
B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ đường.      
D. Biểu đồ tròn.  
**Câu 40:** Cho bảng số liệu  
GIÁ TRỊ CÁC NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2011 – 2015  
Đơn vị: tỉ đồng  
  
  
  
Năm  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
  
  
Khu vực 1  
658779  
   
558284  
638773  
696969  
712460  
  
  
Khu vực 2  
1373000  
1020408  
1199359  
1307935  
1394130  
  
  
Khu vực 3  
1552483  
957939  
1112552  
1537197  
1665962  
  
  
Tổng  
3584262  
2536631  
2950684  
3937856  
4192862  
  
  
  
Nhận định nào đúng trong các nhận định sau?  
A. Tốc độ tăng trưởng khu vực 1 nhanh nhất, thấp nhất là khu vực 3.  
B. Khu vực 2 có tốc độ tăng trưởng chậm nhất, nhanh nhất là khu vực 3.  
C. Khu vực 1 có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong 3 khu vực.  
D. Tốc độ tăng trưởng khu vực 3 nhanh nhất, thấp nhất là khu vực 2.  
**Đáp án và Thang điểm**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là: Công nghiệp Năng lượng; Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; Công nghiệp dệt may; Công nghiệp Hóa chất - phân bón - cao su; Công nghiệp vật liệu xây dựng; Công nghiệp cơ khí - điện tử.  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Phong trào người Việt dùng hàng Việt có ý nghĩa: Hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.  
Chọn: D.  
**Câu 3:** Sau đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta mở rộng theo hướng: Đa dạng hóa, đa phương hóa.  
Chọn: D.  
**Câu 4:** Đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm là: Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Mang lại hiệu quả kinh tế cao. Có thế mạnh lâu dài về tự nhiên- kinh tế - xã hội.  
Chọn: B.  
**Câu 5:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là: Nhiều sông, ao hồ, bãi triều, đầm phá, vụng, vịnh  
Chọn: D.  
**Câu 6:** Đông Nam Bộ là vùng dẫn đầu cả nước về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 7:** Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.  
Chọn: D.  
**Câu 8:** Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay là nhà máy thủy điện Sơn La (2400MW).  
Chọn: A.  
**Câu 9:** khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu là các thị trường nhập khẩu lớn của nước ta vì có nhiều nét tương đồng về sản xuất, tiêu dùng. Gía cả hợp lí hơn các thị trường khác.  
Chọn: C.  
**Câu 10:** Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc là các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta với các mặt hàng: lúa gạo, nông sản nhiệt đới, cá basa,...  
Chọn: A.  
**Câu 11:** Đường Hồ Chí Minh là con đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước.  
Chọn: A.  
**Câu 12:** Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng: Giảm mạnh tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
Chọn: A.  
**Câu 13:** Do điều kiện chưa cho phép nên nước ta chưa xuất khẩu các hàng hoá về: công nghiệp chế tạo. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là CN nặng, CN nhẹ, khoáng sản, hàng tiểu thủ CN, nông, lâm, thủy sản.  
Chọn: D.  
**Câu 14:** Do nước nước ta là thành viên của WTO, và 1 số liên kết khu vực nên đã mở rộng và đa dạng hoá thị trường. → kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên.  
Chọn: A.  
**Câu 15:** Nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm của nước ta là: Nguồn nguyên liệu (từ nông – lâm – ngư nghiệp) và thị trường tiêu thụ.  
Chọn: D.  
**Câu 16:** Sản lượng điện của nước ta trong những năm gần đây tăng rất nhanh chủ yếu do: Xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy điện khí.  
Chọn: B.  
**Câu 17:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do: Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.  
Chọn: A.  
**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, Quảng Ninh là tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 19:** Ngành du lịch ở nước ta thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ: Chính sách đổi mới của nhà nước.  
Chọn: B.  
**Câu 20:** Theo cách phân loại hiện hành, các ngành công nghiệp nước ta có 3 nhóm với 29 ngành.  
Chọn: C.  
**Câu 21:** Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong những năm qua tăng và cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là do kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội (chính sách đa dạng hóa thị trường).  
Chọn: D.  
**Câu 22:** Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu không ổn định, chủ yếu là nhập siêu. Nên C sai.  
Chọn: C.  
**Câu 23:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì nguyên liệu của vùng này chủ yếu là dầu khí ở thềm lục địa phía nam, xa nguồn nguyên liệu than đá.  
Chọn: B.  
**Câu 24:** Các biện pháp trên đều là các biện pháp giúp tăng năng suất cây lương thực. Nhưng biện pháp quan trọng nhất là: Sử dụng các biện pháp thâm canh.  
Chọn B.  
**Câu 25:** Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – TP Hồ Chí Minh) 1726km  
Chọn: B.  
**Câu 26:** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng nhiều rau nhất. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn B.  
**Câu 27:** Tổng chiều dài đường sắt nước ta là 3143 km đường sắt  
Chọn: D.  
**Câu 28:** Điều là sản phẩm chuyên môn hóa ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ. Nên C không đúng.  
Chọn: C.  
**Câu 29:** các trung tâm du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là: Hạ Long, Lạng Sơn.  
Chọn: C.  
**Câu 30:** Các khu công nghiệp phân bố tập trung nhất ở vùng Đông Nam Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 (Dân số), quy mô dân số các đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng xếp theo tứ tự giảm dần là: Hà Nội (trên 1 triệu người), Hải Phòng (từ 500 001 – 1 triệu người), Nam Định (từ 200 001 – 500 000 người), Hải Dương (từ 100 001 – 200 000 người).  
Chọn: C.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp). Các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng là Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.  
Chọn: D.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 (Kinh tế chung), Khánh Hòa có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) cao nhất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ. (màu đậm nhất).  
Chọn: B.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5, Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh Hà Tĩnh.  
Chọn: B  
**Câu 35:** Nhìn vào biểu đồ ta có 1 số nhận xét sau:  
Diện tích lúa hè thu nhỏ hơn diện tích lúa khác, tăng liên tục, diện tích lúa khác có biến động (giai đoạn cuối).  
Sản lượng lúa tăng liên tục.  
Chọn: C.  
**Câu 36:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, đơn vị, biểu đồ thể hiện nội dung: chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
Chọn: A.  
**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm), trung tâm có quy mô lớn là Hải Phòng.  
Chọn: D.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Lâm nghiệp), các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ( năm 2007) đạt trên 60% là Quảng Bình, Tuyên Quang, Kon Tum, Lâm Đồng.  
Chọn: A.  
**Câu 39:** Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ biểu hiện cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan và Việt Nam năm 2015 là biểu đồ tròn; cụ thể mỗi nước 1 biểu đồ tròn.  
Chọn: D.  
**Câu 40:** Tính tốc độ tăng trưởng của các khu vực và so sánh.  
Khu vực 1: 108,1% (nhanh nhất), Khu vực 2: 101,5% (thấp nhất), Khu vực 3: 107,3%  
Chọn: C.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 5**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Cho bảng số liệu:  
  
Dựa vào kết quả xử lí số liệu từ bảng trên, hãy cho biết loại hình giao thông vận tải nào có tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển cao nhất trong giai đoạn 2000-2014 ở nước ta:  
A. Đường sắt.  
B. Đường bộ.  
C. Đường biển.  
D. Đường hàng không.  
**Câu 2:** Vùng trồng dừa lớn nhất nước ta hiện nay:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 3:** Điều kiện ít hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực cộng nghiệp ở nước ta hiện nay là:  
A. thị trường tiêu thụ sẩn phẩm.  
B. chính sách phát triển công nghiệp.  
C. dân cư, nguồn lao động.  
D. cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng.  
**Câu 4:** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta là:  
A. Đông Nam Bộ và Trung du - miền núi Bắc Bộ.  
B. Trung du - miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.  
C. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.  
D. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.  
**Câu 5:** Đặc trưng không phải của nền nông nghiệp hàng hóa là  
A. Sử dụng nhiều máy móc, vật tư, công nghệ mới.  
B. Nông sản được sản xuất theo hướng đa canh.  
C. Người sản xuất quan tâm đến thị trường tiêu thụ sản phẩm.  
D. Sản xuất chuyên canh một hoặc một số ít loại nông sản.  
**Câu 6:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là:  
A. thuế xuất khẩu cao.  
B. tỉ trọng hàng gia công lớn.  
C. chất lượng sản phẩm chưa cao.  
D. làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.  
**Câu 7:** Biện pháp vững chắc, hiệu quả nhất để hoàn thiện cơ cấu công nghiệp nước ta là:  
A. ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  
B. đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp.  
C. hạ giá thành sản phẩm.  
D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.  
**Câu 8:** Căn cứ vào biểu đồ tròn ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta trong giai đoạn 2000-2007?  
A. Tỉ trọng gia súc luôn cao nhất nhưng có xu hướng giảm.  
B. tỉ trọng sản phẩm không qua giết thịt thấp nhất và ít biến động.  
C. Giá trị sẩn xuất ngành chăn nuôi tăng gấp gần 1,6 lần.  
D. Tỉ trọng gia cầm có xu hướng giảm khá nhanh.  
**Câu 9:** Ở nước ta các điểm công nghiệp đơn lẻ, rời rạc thường tập trung ở:  
A. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.  
B. Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Bắc.  
D. Tây Bắc và Tây Nguyên.  
**Câu 10:** Xu hướng biến động của cơ cấu công nghiệp theo ngành là:  
A. thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở ngoài nước.  
B. thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể trong và ngoài nước.  
C. thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở trong nước.  
D. không thay đổi theo thời gian.  
**Câu 11:** Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là:  
A. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.  
B. lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.  
C. tiến bộ khoa học kĩ thuật.  
D. điều kiện tự nhiên thuận lợi.  
**Câu 12:** Cho bảng số liệu.  
  
Từ bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây không đúng về hiện trạng rừng ở nước ta?  
A. Trong giai đoạn 2005-2014, TD và MN Bắc Bộ là vùng có diện tích rừng tăng nhiều nhất, với mức tăng 1025,4 nghìn ha.  
B. Trong giai đoạn 2005-2014, diện tích rừng ở tất cả các vùng của nước ta đều tăng.  
C. Bắc Trung Bộ là vùng có độ che phủ rừng (năm 2014) cao nhất cả nước, với hơn 56,5%.  
D. TD và MN Bắc Bộ là vùng có diện tích rừng lớn nhất cả nước (năm 2014), chiếm hơn 39,0%.  
**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, các tỉnh có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt dưới 10% (năm 2007) tập trung chủ yếu tại:  
A. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.  
D. Trung du - miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.  
**Câu 14:** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc lớn ở nước ta là:  
A. nắm được các yêu cầu của thị trường.  
B. phát triển dịch vụ thú y.  
C. đẩm bảo chất lượng con giống.  
D. phát triển thêm các đồng cỏ.  
**Câu 15:** Vụ lúa có năng suất cao nhất trong năm ở nước ta là:  
A. đông xuân.    B. chiêm.  
C. hè thu.    D. mùa.  
**Câu 16:** Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Tây Nguyên.  
C. Trung du miền núi Bắc Bộ.  
D. Đông Nam Bộ.  
**Câu 17:** Cho biểu đồ:  
  
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với diện tích và năng suất lúa cả năm của nước ta, giai đoạn 2005-2014?  
A. Diện tích tăng, năng suất giảm.  
B. Diện tích giảm, năng suất tăng.  
C. Diện tích và năng suất đều tăng.  
D. Diện tích và năng suất đều giảm.  
**Câu 18:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng suy giảm chủ yếu là do:  
A. phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.  
B. phá rừng để lấy đất xây dựng các khu đô thị.  
C. phá rừng để khai thác gỗ củi phục vụ nhu cầu sinh hoạt.  
D. ô nhiếm môi trường đất và nước rừng ngập mặn.  
**Câu 19:** Các vườn quốc gia ở nước ta như Cát Bà, Tam Đảo, Cúc Phương... thuộc nhóm:  
A. rừng đặc dụng.    B. rừng sản xuất.  
C. rừng bảo vệ nghiêm gặt.    D. rừng phòng hộ.  
**Câu 20:** Tam giác tăng trưởng du lịch ở phía Bắc nước ta bao gồm:  
A. Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.  
B. Hà Nội, Hải Phòng, Cao bằng.  
C. Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn.  
D. Hà Nội, Lạng Sơn, Hà Giang.  
**Câu 21:** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do:  
A. chất đất phù sa màu mỡ hơn.  
B. sử dụng nhiều giống cao sản.  
C. đẩy mạnh thâm canh.  
D. người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.  
**Câu 22:** Ở nước ta, ngành công nghiệp được xem là cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải “đi trước một bước” là:  
A. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.  
B. công nghiệp khai thác dầu khí.  
C. công nghiệp cơ khí.  
D. công nghiệp điện lực.  
**Câu 23:** Cho biểu đồ về GDP theo thành phần kinh tế của nước ta:  
(Đơn vị: %)  
  
Biểu đồ trên thể hiện đầy đủ nội dung nào sau đây?  
A. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 đến năm 2015.  
B. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
C. Quy mô giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
D. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
**Câu 24:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hai tỉnh (thành phố) có giá trị nhập khẩu hàng hóa (năm 2007) lớn nhất nước ta là:  
A. TP Hồ Chí Minh và Đồng Nai.  
B. TP Hồ Chí Minh và Bình Dương.  
C. TP Hồ Chí Minh và Hà Nội.  
D. TP Hồ Chí Minh và Bà Rịa-Vũng Tàu  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, các mỏ khí đốt đang được khai thác ở nước ta (năm 2007) là:  
A. Lan Đỏ, Lan Tây, Rồng.  
B. Lan Đỏ, Tiền Hải, Đại Hùng.  
C. Hồng ngọc, Rồng, Tiền Hải.  
D. Lan Đỏ, Lan Tây, Tiền Hải.  
**Câu 26:** Công nghiệp khai thác dầu khí nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta là do:  
A. sản lượng khai thác lớn.  
B. mang lại hiệu quả kinh tế cao.  
C. có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
D. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.  
**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết ngành nào sau đây không xuất hiện ở trung tâm công nghiệp Hải Phòng?  
A. chế biến nông sản.  
B. đóng tàu.  
C. luyện kim màu.  
D. sản xuất vật liệu xây dựng.  
**Câu 28:** Năng suất lao động trong ngành khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp do:  
A. nguồn lợi cá đang bị suy thoái.  
B. phương tiện khai thác còn lạc hậu.  
C. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.  
D. người dân thiếu kinh nghiệm đánh bắt.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác (năm 2007) cao nhất nước ta là:  
A. Kiên Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu.  
B. Bình Thuận và Bình Định.  
C. Cà Mau và Bình Định.  
D. Kiên Giang và Cà Mau.  
**Câu 30:** Ngành công nghiệp chế bến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta chưa phát triển là do:  
A. thiếu nguồn lao động có trình độ.  
B. nguồn nguyên liệu chưa đảm bảo.  
C. công nghệ sản xuất còn lạc hậu.  
D. nguồn vốn đầu tư hạn chế.  
**Câu 31:** Than nâu ở nước ta tập trung nhiều ở:  
A. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
B. Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Bể than Đông Bắc.  
D. Đồng bằng sông Hồng.  
**Câu 32:** Ở nước ta, vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi phát triển là do:  
A. có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.  
B. Các giống vật nuôi địa phương đa dạng, có giá trị kinh tế cao.  
C. có nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
D. có điều kiện tự nhiên thuận lợi, lực lượng lao động dồi dào.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7 và trang 4-5, hãy cho biết Vịnh Quy Nhơn là vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào sau đây:  
A. Bình Định.    B. Quảng Ngãi.    C. Quảng Nam.    D. Phú Yên.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?  
A. TP. Hồ Chí Minh.  
B. Thái Nguyên.  
C. Bến Tre.  
D. Hải Phòng.  
**Câu 35:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào có ý nghĩa quốc gia?  
A. Đà Nẵng.    B. Vinh.    C. Đông Hà.    D. Đồng Hới.  
**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết cây điều ở nước ta được trồng tập trung ở những vùng nào?  
A. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, DH Nam Trung Bộ  
B. Đông Nam Bộ, DH Nam Trung Bộ, ĐB sông Hồng.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ.  
D. Tây Nguyên, DH Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ.  
**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây có biên giới giáp với Trung Quốc và Lào?  
A. Lào Cai.    B. Điện Biên.    C. Hà Giang.    D. Sơn La.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?  
A. Nam Trung Bộ.    B. Đông Bắc Bộ.  
C. Tây Bắc Bộ.    D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 39:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong số các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất?  
A. Sông Đồng Nai.    B. Sông Cả.    C. Sông Hồng.    D. Sông Mã.  
**Câu 40:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây không giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?  
A. Kiên Giang.    B. Cà Mau.    C. Đồng Tháp.    D. An Giang.  
**Đáp án**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển:  
Đường sắt = 114,7%  
Đường bộ = 568,4%  
Đường biển = 378,7%  
Đường hàng không = 447,0%  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Nhờ điều kiện khí hậu và đất đai thuận lợi, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng dừa lớn nhất nước ta hiện nay.  
Chọn: A.  
**Câu 3:** Điều kiện ít hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực cộng nghiệp ở nước ta hiện nay là cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng nước ta còn hạn chế.  
Chọn: D.  
**Câu 4:** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là 2 vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.  
Chọn: C.  
**Câu 5:** Sản xuất chuyên canh một hoặc một số ít loại nông sản không phải là đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa.  
Chọn: D.  
**Câu 6:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là: trọng hàng gia công lớn, chủ yếu là sản phẩm thô.  
Chọn: B.  
**Câu 7:** Biện pháp vững chắc, hiệu quả nhất để hoàn thiện cơ cấu công nghiệp nước ta là đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp để tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có, vừa thích ứng được với thị trường nhiều biến động.  
Chọn: D.  
**Câu 8:** Tỉ trọng gia súc luôn cao nhất (trên 60%), có xu hướng tăng.  
Chọn: A.  
**Câu 9:** Do dặc điểm địa hình, trình độ phát triển kinh tế khu vực Tây Bắc và Tây Nguyên chủ yếu có các điểm công nghiệp đơn lẻ, rời rạc,  
Chọn: D.  
**Câu 10:** Xu hướng biến động của cơ cấu công nghiệp theo ngành là để thay đổi phù hợp với điều kiện cụ thể trong và ngoài nước.  
Chọn: B.  
**Câu 11:** Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng (nhu cầu về sản phẩm cây công nghiệp ngày càng lớn) đã thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây.  
Chọn: A.  
**Câu 12:** Trong giai đoạn 2005-2014, diện tích rừng ở Tây Nguyên có xu hướng giảm nên nhận định B không đúng.  
Chọn: B.  
**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19 (Cây công nghiệp), các tỉnh có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt dưới 10% (màu xanh nhạt nhất) (năm 2007) tập trung chủ yếu tại: Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.  
Chọn: A.  
**Câu 14:** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc lớn ở nước ta là cần nắm được các yêu cầu của thị trường để có hướng chăn nuôi, cơ cấu chăn nuôi, thời điểm chăn nuôi phù hợp, tránh được các rủi ro.  
Chọn: A.  
**Câu 15:** Vụ lúa đông xuân thường là vụ lúa có điều kiện thuận lợi nhất nên có năng suất cao nhất trong năm ở nước ta.  
Chọn: A.  
**Câu 16:** Tây Nguyên là vùng kinh tế duy nhất mà quốc lộ 1 không chạy qua.  
Chọn: B.  
**Câu 17:** Nhìn vào biểu đồ ta có 1 số nhận xét sau: Diện tích và năng suất lúa tăng liên tục qua các năm.  
Đáp án: C.  
**Câu 18:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng suy giảm chủ yếu là do phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.  
Chọn: A.  
**Câu 19:** Các vườn quốc gia, các khu dự trữ sinh quyển đều thuộc nhóm rừng đặc dụng.  
Chọn: A.  
**Câu 20:** Tam giác tăng trưởng du lịch ở phía Bắc nước ta bao gồm các trung tâm du lịch: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.  
Chọn: A.  
**Câu 21:** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do: đẩy mạnh thâm canh.  
Chọn: C.  
**Câu 22:** Công nghiệp điện lực là động lực cho các ngành kinh tế và được coi như cơ sở hạ tầng quan trọng nhất trong toàn bộ cơ cấu hạ tầng sản xuất. Thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp; thu hút hàng loạt ngành công nghiệp; Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, nâng cao trình độ phát triển của xã hội và là một trong những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của một quốc gia.  
Chọn: D.  
**Câu 23:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, biểu đồ thể hiện nội dung: Quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2015.  
Đáp án: B.  
**Câu 24:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24 (Thương mại), quan sát cột thể hiện giá trị xuất nhập khẩu. TP Hồ Chí Minh và Hà Nội có giá trị nhập khẩu hàng hóa (năm 2007) lớn nhất nước ta.  
Chọn: C.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (Công nghiệp năng lượng), xác định kí hiệu các mỏ khí đốt đang được khai thác. Đó là, Lan Đỏ, Lan Tây, Tiền Hải.  
Chọn: D.  
**Câu 26:** Công nghiệp khai thác dầu khí nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta là do mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, công nghiệp khai thác dầu khí phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp chung). Các ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là: chế biến nông sản, đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, cơ khí, luyện kim đen, điện tử.  
Chọn: C.  
**Câu 28:** Năng suất lao động trong ngành khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp do phương tiện khai thác còn lạc hậu.  
Chọn: B.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Thủy sản – cột màu hồng), hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác (năm 2007) cao nhất nước ta là: Kiên Giang (315157 tấn) và Bà Rịa - Vũng Tàu (220322 tấn)  
Chọn: A.  
**Câu 30:** Ngành công nghiệp chế bến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta chưa phát triển là do các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng sữa, ... còn ở địa vị thứ yếu so với ngành trồng trọt.  
Chọn: C.  
**Câu 31:** Than nâu ở nước ta tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng với trữ lượng hàng chục tỉ tấn.  
Chọn: D.  
**Câu 32:** Nhờ có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú (từ ngành trồng trọt), thị trường tiêu thụ rộng lớn (tập trung đông dân cư, gần vùng có nhu cầu cao, nhu cầu nước ngoài).  
Chọn: C.  
**Câu 33:** Quy Nhơn là thành phố ven biển miền Trung Việt Nam và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Bình Định, được bình chọn là điểm đến hàng đầu Đông Nam Á bởi tạp chí du lịch Rough Guides của Anh vào năm 2015.  
Chọn: A.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm) TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội là 2 trung tâm có quy mô rất lớn.  
Chọn: A.  
**Câu 35:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25 (Du lịch), xác định kí hiệu trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia. Đà Nẵng, Hà Nội, Huế, TP.Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia.  
Chọn: A.  
**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19 (Cây công nghiệp), các định kí hiệu cây điều. Cây điều ở nước ta được trồng tập trung ở Tây Nguyên, DH Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ.  
Chọn: A.  
**Câu 37:** Điện Biên là tỉnh có biên giới tiếp giáp với 2 quốc qua: Trung Quốc và Lào.  
Chọn: B.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, (khí hậu), Sa Pa thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 39:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, (Hệ thống sông – biểu đồ tròn), hệ thống sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất trong 4 sông được nêu là sông Hồng (21,91%), sông Đồng Nai (11,27%), các sông còn lại dưới 6%.  
Chọn: C.  
**Câu 40:** Cà Mau là tỉnh không có đường biên giới trên đất liền.  
Chọn: B.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 6**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Trong số các ngành công nghiệp sau, ngành nào không phải là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.  
A. Công nghiệp năng lượng, chế biến lương thực thực phẩm.  
B. Công nghiệp khai khoáng, luyện kim đen- luyện kim màu.  
C. Công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí điện tử.  
D. Công nghiệp dệt may, hóa chất- phân bón- cao su.  
**Câu 2:** Phong trào người Việt dùng hàng Việt không có ý nghĩa:  
A. Giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu.  
B. Thay đổi thói quen sính hàng ngoại nhập.  
C. Thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.  
D. Hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.  
**Câu 3:** Sau đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta mở rộng theo hướng:  
A. Tiếp cận với thị trường Châu Mỹ và châu Phi.  
B. Chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.  
C. Tăng mạnh vào thị trường Đông Nam Á.  
D. Đa dạng hóa, đa phương hóa.  
**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm:  
A. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.  
B. Sử dụng nhiều loại tài nguyên có quy mô lớn.  
C. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.  
D. Có thế mạnh lâu dài về tự nhiên- kinh tế - xã hội.  
**Câu 5:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là:  
A. Có nhiều hồ thủy lợi, thủy điện.  
B. Đường bờ biển dài, nhiều ngư trường lớn.  
C. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.  
D. Nhiều sông, ao hồ, bãi triều, đầm phá.  
**Câu 6:** Vùng dẫn đầu cả nước về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp là:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đông Nam Bộ.  
D. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
**Câu 7:** Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là:  
A. Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.  
B. Bãi đá cổ SaPa và thành nhà Hồ.  
C. Vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.  
D. Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.  
**Câu 8:** Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay là:  
A. Sơn La.    B. Hòa Bình.  
C. Yaly.    D. Thác Bà.  
**Câu 9:** Các thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là:  
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc.  
B. Bắc Mĩ và châu Á.  
C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.  
D. Châu Âu và châu Phi.  
**Câu 10:** Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta là:  
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc.  
B. Bắc Mĩ và châu Á.  
C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.  
D. Châu Âu và châu Phi.  
**Câu 11:** Con đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước là:  
A. Đường Hồ Chí Minh.     B. Quốc Lộ 1.  
C. Quốc lộ 9.    D. Quốc lộ 2.  
**Câu 12:** Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng:  
A. Giảm mạnh tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
B. Giảm tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm.  
C. Tăng tỉ trọng của khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, giảm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
D. Tăng tỉ trọng của khu vực nhà nước, giảm tỷ trọng của khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
**Câu 13:** Việt Nam chưa phải là nước xuất khẩu chủ yếu hàng hoá về:  
A. Công nghiệp nặng và khoáng sản.  
B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.  
C. Nông, lâm, thuỷ sản.  
D. Công nghiệp chế tạo.  
**Câu 14:** Nguyên nhân nào sau đây được xem là chủ yếu nhất làm cho kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên?  
A. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường.  
B. Tăng cường sản xuất hàng hoá.  
C. Nâng cao năng suất lao động.  
D. Tổ chức sản xuất hợp lí.  
**Câu 15:** Nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm của nước ta là:  
A. Lao động có kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.  
B. Thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.  
C. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.  
D. Nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.  
**Câu 16:** Sản lượng điện của nước ta trong những năm gần đây tăng rất nhanh chủ yếu do:  
A. Nguồn điện nhập khẩu tăng nhanh.  
B. Xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy điện khí.  
C. Đưa các nhà máy thủy điện mới vào hoạt động.  
D. Nhu cầu điện đối với sản xuất và xuất khẩu tăng.  
**Câu 17:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do:  
A. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.  
B. Sự phục hồi và phát triển của sản xuất.  
C. Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức WTO.  
D. Tiếp cận với thị trường Châu Phi và Châu Mĩ.  
**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:  
A. Vĩnh Phúc    B. Quảng Ninh  
C. Bắc Ninh    D. Phú Thọ  
**Câu 19:** Ngành du lịch ở nước ta thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ:  
A. Nước ta giàu tiềm năng phát triển du lịch.  
B. Chính sách đổi mới của nhà nước.  
C. Phát triển các điểm, khu du lịch thu hút khách.  
D. Quy hoạch các vùng du lịch.  
**Câu 20:** Theo cách phân loại hiện hành, các ngành công nghiệp nước ta có:  
A. 2 nhóm với 19 ngành.    B. 4 nhóm với 23 ngành.  
C. 3 nhóm với 29 ngành.    D. 5 nhóm với 32 ngành.  
**Câu 21:** Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong những năm qua tăng và cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là do:  
A. Các thành phần khác chưa phát huy được tiềm năng sản xuất công nghiệp.  
B. Đây là khu vực kinh tế có vai trò chủ đạo.  
C. Kết quả của việc nước ta gia nhập WTO.  
D. Kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội.  
**Câu 22:** Phát biểu nào sau đây không đúng về ngoại thương của nước ta ở thời kì sau Đổi mới?  
A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
B. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.  
C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.  
D. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.  
**Câu 23:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì:  
A. Nhu cầu về điện không cao như miền Bắc.  
B. Xa nguồn nguyên liệu.  
C. Gây ô nhiễm môi trường.  
D. Xây dựng ban đầu đòi hỏi vốn đầu tư lớn.  
**Câu 24:** Năng suất lương thực tăng mạnh chủ yếu là do:  
A. Tăng diện tích  
B. Sử dụng các biện pháp thâm canh  
C. Đưa các giống mới vào sản xuất  
D. Ít thiên tai xảy ra  
**Câu 25:** Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là:  
A. Hà Nội – Lào Cai.  
B. Hà Nội – TP Hồ Chí Minh.  
C. Lưu Xá – Kép – Bãi Cháy.  
D. Hà Nội - Thái Nguyên.  
**Câu 26:** Vùng nào sau đây là vùng trồng nhiều rau nhất cả nước:  
A. Trung du miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.  
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.  
**Câu 27:** Tổng chiều dài đường sắt nước ta là:  
A. 3134.    B. 1343.    C. 4134.    D. 3143.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết cây công nghiệp không phải là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:  
A. Đậu tương.    B. Bông.  
C. Điều.    D. Thuốc lá.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các trung tâm du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:  
A. Hạ Long, Thái Nguyên.    B. Thái Nguyên, Việt Trì.  
C. Hạ Long, Lạng Sơn.    D. Hạ Long, Điện Biên Phủ.  
**Câu 30:** Các khu công nghiệp phân bố tập trung nhất ở vùng:  
A. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long.  
D. Đồng bằng sông Hồng.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết quy mô dân số các đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng xếp theo tứ tự giảm dần là:  
A. Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương.  
B. Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng.  
C. Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương.  
D. Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?  
A. Hải Phòng, Bà Rịa Vũng Tàu.    B. Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.  
C. Hà Nội, Việt Trì.    D. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) cao nhất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ?  
A. Bình Thuận.    B. Khánh Hòa.    C. Quảng Ngãi.    D. Bình Định.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5, cho biết Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Thừa Thiên – Huế.    B. Hà Tĩnh.  
C. Quảng Ngãi.    D. Phú Yên.  
**Câu 35:** Cho biểu đồ:  
  
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với tình hình sản xuất lúa của nước ta, giai đoạn 2005-2014?  
A. Diện tích lúa hè thu giảm liên tục, lúa khác tăng.  
B. Diện tích lúa khác, lúa hè thu tăng liên tục.  
C. Sản lượng lúa tăng liên tục qua các năm.  
D. Diện tích lúa hè thu lớn hơn diện tích lúa khác.  
**Câu 36:** Cho biểu đồ về dân số thành thị và dân số nông thôn:  
  
Biểu đồ sau thể hiện nội dung gì?  
A. Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
B. Biểu đồ thể hiện tốc quy mô và cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
C. Biểu đồ thể hiện sự thay đổi số dân phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
D. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?  
A. Thái Nguyên.    B. TP.Hồ Chí Minh.  
C. Bến Tre.    D. Hải Phòng.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết những tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ( năm 2007) đạt trên 60%?  
A. Quảng Bình, Tuyên Quang, Kon Tum, Lâm Đồng  
B. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Hà Tĩnh  
C. Quảng Bình, Hà Giang, Kon Tum, Lâm Đồng  
D. Tuyên Quang, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng  
**Câu 39:** Cho bảng số liệu  
XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015  
Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ  
  
  
  
   
Ma-lai-xi-a  
Thái Lan  
Xin-ga-po  
Việt Nam  
  
  
Xuất khẩu  
210,1  
272,9  
516,7  
173,3  
  
  
Nhập khẩu  
187,4  
228,2  
438,0  
181,8  
  
  
  
Để thể hiện cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan và Việt Nam năm 2015, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.    B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ đường.    D. Biểu đồ tròn.  
**Câu 40:** Cho bảng số liệu  
GIÁ TRỊ CÁC NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2011 – 2015  
Đơn vị: tỉ đồng  
  
  
  
Năm  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
  
  
Khu vực 1  
658779  
   
558284  
638773  
696969  
712460  
  
  
Khu vực 2  
1373000  
1020408  
1199359  
1307935  
1394130  
  
  
Khu vực 3  
1552483  
957939  
1112552  
1537197  
1665962  
  
  
Tổng  
3584262  
2536631  
2950684  
3937856  
4192862  
  
  
  
Nhận định nào đúng trong các nhận định sau?  
A. Tốc độ tăng trưởng khu vực 1 nhanh nhất, thấp nhất là khu vực 3.  
B. Khu vực 2 có tốc độ tăng trưởng chậm nhất, nhanh nhất là khu vực 3.  
C. Khu vực 1 có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong 3 khu vực.  
D. Tốc độ tăng trưởng khu vực 3 nhanh nhất, thấp nhất là khu vực 2.  
**Đáp án**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là: Công nghiệp Năng lượng; Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; Công nghiệp dệt may; Công nghiệp Hóa chất - phân bón - cao su; Công nghiệp vật liệu xây dựng; Công nghiệp cơ khí - điện tử.  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Phong trào người Việt dùng hàng Việt có ý nghĩa: Hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.  
Chọn: D.  
**Câu 3:** Sau đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta mở rộng theo hướng: Đa dạng hóa, đa phương hóa.  
Chọn: D.  
**Câu 4:** Đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm là: Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Mang lại hiệu quả kinh tế cao. Có thế mạnh lâu dài về tự nhiên- kinh tế - xã hội.  
Chọn: B.  
**Câu 5:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là: Nhiều sông, ao hồ, bãi triều, đầm phá, vụng, vịnh  
Chọn: D.  
**Câu 6:** Đông Nam Bộ là vùng dẫn đầu cả nước về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 7:** Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.  
Chọn: D.  
**Câu 8:** Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay là nhà máy thủy điện Sơn La (2400MW).  
Chọn: A.  
**Câu 9:** khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu là các thị trường nhập khẩu lớn của nước ta vì có nhiều nét tương đồng về sản xuất, tiêu dùng. Gía cả hợp lí hơn các thị trường khác.  
Chọn: C.  
**Câu 10:** Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc là các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta với các mặt hàng: lúa gạo, nông sản nhiệt đới, cá basa,...  
Chọn: A.  
**Câu 11:** Đường Hồ Chí Minh là con đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước.  
Chọn: A.  
**Câu 12:** Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng: Giảm mạnh tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
Chọn: A.  
**Câu 13:** Do điều kiện chưa cho phép nên nước ta chưa xuất khẩu các hàng hoá về: công nghiệp chế tạo. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là CN nặng, CN nhẹ, khoáng sản, hàng tiểu thủ CN, nông, lâm, thủy sản.  
Chọn: D.  
**Câu 14:** Do nước nước ta là thành viên của WTO, và 1 số liên kết khu vực nên đã mở rộng và đa dạng hoá thị trường. → kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên.  
Chọn: A.  
**Câu 15:** Nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm của nước ta là: Nguồn nguyên liệu (từ nông – lâm – ngư nghiệp) và thị trường tiêu thụ.  
Chọn: D.  
**Câu 16:** Sản lượng điện của nước ta trong những năm gần đây tăng rất nhanh chủ yếu do: Xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy điện khí.  
Chọn: B.  
**Câu 17:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do: Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.  
Chọn: A.  
**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, Quảng Ninh là tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 19:** Ngành du lịch ở nước ta thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ: Chính sách đổi mới của nhà nước.  
Chọn: B.  
**Câu 20:** Theo cách phân loại hiện hành, các ngành công nghiệp nước ta có 3 nhóm với 29 ngành.  
Chọn: C.  
**Câu 21:** Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong những năm qua tăng và cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là do kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội (chính sách đa dạng hóa thị trường).  
Chọn: D.  
**Câu 22:** Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu không ổn định, chủ yếu là nhập siêu. Nên C sai.  
Chọn: C.  
**Câu 23:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì nguyên liệu của vùng này chủ yếu là dầu khí ở thềm lục địa phía nam, xa nguồn nguyên liệu than đá.  
Chọn: B.  
**Câu 24:** Các biện pháp trên đều là các biện pháp giúp tăng năng suất cây lương thực. Nhưng biện pháp quan trọng nhất là: Sử dụng các biện pháp thâm canh.  
Chọn B.  
**Câu 25:** Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – TP Hồ Chí Minh) 1726km  
Chọn: B.  
**Câu 26:** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng nhiều rau nhất. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn B.  
**Câu 27:** Tổng chiều dài đường sắt nước ta là 3143 km đường sắt  
Chọn: D.  
**Câu 28:** Điều là sản phẩm chuyên môn hóa ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ. Nên C không đúng.  
Chọn: C.  
**Câu 29:** các trung tâm du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là: Hạ Long, Lạng Sơn.  
Chọn: C.  
**Câu 30:** Các khu công nghiệp phân bố tập trung nhất ở vùng Đông Nam Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 (Dân số), quy mô dân số các đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng xếp theo tứ tự giảm dần là: Hà Nội (trên 1 triệu người), Hải Phòng (từ 500 001 – 1 triệu người), Nam Định (từ 200 001 – 500 000 người), Hải Dương (từ 100 001 – 200 000 người).  
Chọn: C.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp). Các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng là Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.  
Chọn: D.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 (Kinh tế chung), Khánh Hòa có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) cao nhất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ. (màu đậm nhất).  
Chọn: B.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5, Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh Hà Tĩnh.  
Chọn: B  
**Câu 35:** Nhìn vào biểu đồ ta có 1 số nhận xét sau:  
Diện tích lúa hè thu nhỏ hơn diện tích lúa khác, tăng liên tục, diện tích lúa khác có biến động (giai đoạn cuối).  
Sản lượng lúa tăng liên tục.  
Chọn: C.  
**Câu 36:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, đơn vị, biểu đồ thể hiện nội dung: chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
Chọn: A.  
**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm), trung tâm có quy mô lớn là Hải Phòng.  
Chọn: D.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Lâm nghiệp), các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ( năm 2007) đạt trên 60% là Quảng Bình, Tuyên Quang, Kon Tum, Lâm Đồng.  
Chọn: A.  
**Câu 39:** Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ biểu hiện cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan và Việt Nam năm 2015 là biểu đồ tròn; cụ thể mỗi nước 1 biểu đồ tròn.  
Chọn: D.  
**Câu 40:** Tính tốc độ tăng trưởng của các khu vực và so sánh.  
Khu vực 1: 108,1% (nhanh nhất), Khu vực 2: 101,5% (thấp nhất), Khu vực 3: 107,3%  
Chọn: C.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 7**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa ĐB sông Hồng và ĐB sông Cửu Long:  
A. Nguồn nước.    B. Khí hậu.  
C. Đất đai.    D. Địa hình.  
**Câu 2:** Cà Ná là nơi nổi tiếng nước ta với sản phẩm:  
A. muối.    B. nước mắm.  
C. đồ hộp.    D. tôm đông lạnh.  
**Câu 3:** Than Antraxit tập trung chủ yếu ở:  
A. Thái Nguyên.    B. Quảng Ninh.  
C. Cà Mau.    D. Lạng Sơn.  
**Câu 4:** Đâu không phải là nguyên nhân khiến hoạt động công nghiệp ở vùng núi chậm phát triển:  
A. Thiếu lao động, nhất là lao động có tay nghề.  
B. Giao thông vận tải kém phát triển.  
C. Vị trí địa lí không thuận lợi.  
D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
**Câu 5:** Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp ngắn ngày nhờ:  
A. có nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm.  
B. có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận xích đạo.  
C. có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.  
D. có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.  
**Câu 6:** Đường dây 500KV được xây dựng nhằm mục đích:  
A. kết hợp giữa nhiệt điện và thuỷ điện thành mạng lưới điện quốcgia.  
B. khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.  
C. đưa điện về phục vụ cho nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.  
D. tạo một mạng lưới điện phủ khắp cả nước.  
**Câu 7:** Vùng nào sau đây có nghề nuôi cá nước ngọt phát triển nhất nước ta:  
A. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.  
B. Đồng bằng Sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ.  
C. Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ.  
D. Đồng bằng Sông Hồng và ĐB Sông Cửu Long.  
**Câu 8:** Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là:  
A. có nguồn nguyên liệu phong phú.  
B. có nguồn lao động dồi dào.  
C. có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
D. có nhiều cơ sở chế biến.  
**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong số các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có diện tích lưu vực nhỏ nhất?  
A. Sông Thu Bồn.    B. Sông Đồng Nai.  
C. Sông Hồng.    D. Sông Cả.  
**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Vinh không có ngành công nghiệp nào sau đây?  
A. Sản xuất vật liệu xây dựng.     B. Cơ khí.  
C. Điện tử.    D. Chế biến nông sản.  
**Câu 11:** Ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì:  
A. có hai mặt giáp biển, ngư trường lớn.  
B. có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.  
C. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.  
D. có nguồn tài nguyên thuỷ sản phong phú.  
**Câu 12:** Cho biểu đồ về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014:  
  
Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?  
A. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
B. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
D. Giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
**Câu 13:** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là:  
A. Đông Nam Bộ.    B. ĐB sông Cửu Long.  
C. Bắc Trung Bộ.     D. ĐB sông Hồng.  
**Câu 14:** Cho biểu đồ.  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA  
  
Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta?  
A. Cây lương thực có hạt có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
B. Cây công nghiệp hàng năm có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
C. Cây công nghiệp lâu năm có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
D. Cây ăn quả có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.  
**Câu 15:** Ngư trường trọng điểm số 1 hiện nay của nước ta là:  
A. Hải Phòng - Quảng Ninh.  
B. 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  
C. Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu.  
D. Cà Mau - Kiên Giang.  
**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, xác định 2 trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120.000 tỷ đồng ở nước ta?  
A. Thành phố Hồ Chí Minh và Biên Hòa.  
B. Biên Hòa và Vũng Tàu.  
C. Hà Nội và Hải Phòng.  
D. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.  
**Câu 17:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, vùng nào có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản đạt dưới 5%?  
A. Đồng bằng sông Hồng.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Tây Nguyên.  
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 18:** Ở Việt Nam hiện nay việc chăn nuôi trâu bò hướng chủ yếu vào mục đích:  
A. cung cấp thịt sữa.    B. cung cấp sức kéo.  
C. cung cấp da.    D. cung cấp phân bón.  
**Câu 19:** Đây là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay:  
A. Chế biến gỗ và lâm sản.    B. Hoá chất - phân bón – cao su.  
C. Sành sứ thủy tinh.    D. Luyện kim.  
**Câu 20:** Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi trong thời gian qua?  
A. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.  
B. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.  
C. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.  
D. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.  
**Câu 21:** Đâu không phải là điều kiện để ngành chế biến sữa ở TP. Hồ Chí Minh phát triển:  
A. Có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất.  
B. Có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi.  
C. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào.  
D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
**Câu 22:** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện:  
A. Là vùng có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong cácvùng.  
B. Là vùng có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.  
C. Là vùng tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.  
D. Là vùng có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.  
**Câu 23:** Cho bảng số liệu:  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014  
Đơn vị: %  
  
Nhận định nào đúng trong các nhận định sau?  
A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 nhìn chung có xu hướng tăng.  
B. Sản lượng ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng nhanh.  
C. Cơ cấu sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có sự thay đổi.  
D. Giá trị các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng đều.  
**Câu 24:** Tiềm năng thủy điện ở hệ thống Sông Hồng chiếm:  
A. 19% cả nước.    B. 37% cả nước.  
C. 29% cả nước.    D. 34% cả nước.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành nào sau đây không phải là ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?  
A. Gỗ, giấy xenlulô.  
B. Giấy, in, văn phòng phẩm.  
C. Dệt may, da giày.  
D. Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.  
**Câu 26:** Ngành công nghiệp nào sau đây có thế mạnh đặc biệt quan trọng và cần phải đi trước một bước:  
A. Công nghiệp điện lực.  
B. Công nghiệp điện tử.  
C. Công nghiệp hóa chất.  
D. Công nghiệp thực phẩm.  
**Câu 27:** Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta là:  
A. Bắc Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Trung du miền núi Bắc Bộ.  
D. Tây Nguyên.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết tên nhà máy nhiệt điện có công suất dưới 1000 MW?  
A. Phả Lại.    B. Cà Mau.  
C. Phú Mỹ.    D. Bà Rịa.  
**Câu 29:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta không phải là ngành:  
A. đem lại hiệu quả kinh tế cao.  
B. dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư của nước ngoài.  
C. có thế mạnh lâu dài.  
D. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.  
**Câu 30:** Đâu không phải là vai trò của ngành sản xuất lương thực:  
A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  
B. Đảm bảo lương thực cho nhân dân, thức ăn cho chăn nuôi.  
C. Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người.  
D. Là mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?  
A. Nam Trung Bộ.    B. Tây Nguyên.  
C. Nam Bộ.    D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 32:** Vùng có diện tích chè lớn nhất cả nước là:  
A. Tây Nguyên.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
D. Bắc Trung Bộ.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh không đạt trên 60%?  
A. Kon Tum.    B. Đồng Nai.  
C. Quảng Bình.    D. Lâm Đồng.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản đạt trên 200.000 tấn?  
A. Bạc Liêu.    B. Bình Định.  
C. Kiên Giang.    D. Bình Thuận.  
**Câu 35:** Điểm khác nhau cơ bản giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam:  
A. Miền Nam quy mô lớn hơn.  
B. Miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.  
C. Miền Bắc gần nguồn nguyên liệu, miền Nam gần thành phố.  
D. Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.  
**Câu 36:** Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do:  
A. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.  
B. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm.  
C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.  
D. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.  
**Câu 37:** Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi, đường bờ biển dài, có nhiều rừng ngập mặn, rừng phi lao ven biển nên:  
A. lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.  
B. lâm nghiệp có vai trò quan trọng hàng đầu trong cơ cấu nông nghiệp  
C. rừng rất dễ bị tàn phá.  
D. lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế và sinh thái của hầu hết các vùng lãnh thổ.  
**Câu 38:** Cho bảng số liệu  
KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI NƯỚC TA  
Đơn vị:nghìn tấn  
  
  
  
Năm  
Đường sắt  
Đường bộ  
Đường sông  
Đường biển  
  
  
1995  
4515,0  
91202,3  
37653,7  
7306,9  
  
  
2000  
6258,2  
144571,8  
57395,3  
15552,5  
  
  
2005  
8786, 6  
298051, 3  
111145, 9  
42051, 5  
  
  
2011  
7285, 1  
654127, 1  
160164, 5  
63904, 5  
  
  
  
Để thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta giai đoạn 1995 - 2011, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.    B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ kết hợp.    D. Biểu đồ đường.  
**Câu 39:** Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thuỷ điện ở nước ta là:  
A. sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.  
B. sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.  
C. miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.  
D. sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.  
**Câu 40:** Đây là một trong những phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta:  
A. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.  
B. Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp linh hoạt.  
C. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.  
D. Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  
**Đáp án**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa ĐB sông Hồng và ĐB sông Cửu Long:  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Cà Ná là một xã thuộc huyện Thuận Nam. Là vùng đất cực nam của tỉnh Ninh Thuận. Nơi nổi tiếng nước ta với muối biển.  
Chọn: A.  
**Câu 3:** Than Antraxit tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh. Than ở đây có chất lượng rất tốt.  
Chọn: B.  
**Câu 4:** Có thị trường tiêu thụ rộng lớn không phải là nguyên nhân khiến hoạt động công nghiệp ở vùng núi chậm phát triển.  
Chọn: D.  
**Câu 5:** Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp ngắn ngày nhờ có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ thích hợp với điều kiện trồng cây công nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 6:** Đường dây 500KV được xây dựng nhằm mục đích khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.  
Chọn: B.  
**Câu 7:** Đồng bằng Sông Hồng và ĐB Sông Cửu Long có nhiều điều kiện để nuôi cá nước ngọt (sông, hồ, kênh rạch,...).  
Chọn: D.  
**Câu 8:** Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là có nguồn nguyên liệu phong phú (từ nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi).  
Chọn: A.  
**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 (biểu đồ tròn), trong số các hệ thống sông, hệ thống sông có diện tích lưu vực nhỏ nhất là sông Thu Bồn (3,12%), Sông Cả (5,34%), sông Đồng Nai (11,27%), sông Hồng (21,91%)  
Chọn: A.  
**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (công nghiệp chung), trung tâm công nghiệp Vinh có các ngành cơ khí, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng.  
Chọn: C.  
**Câu 11:** Ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì vùng có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.  
Chọn: B.  
**Câu 12:** Biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.  
Chọn: C.  
**Câu 13:** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là ĐB sông Hồng.  
Chọn: D.  
**Câu 14:** Nhìn vào biểu đồ và so sánh sự tăng trưởng của các loại cây.  
Cây CN lâu năm tăng trưởng nhanh nhất, tiếp đến là cây ăn quả, sau đó là cây lương thực có hạt, thấp nhất là cây hàng năm.  
Đáp án: B.  
**Câu 15:** Nước ta có 4 ngư trường trọng điểm: (Ngư trường trọng điểm số 1) Cà Mau – Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan). Ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ). Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.  
Chọn: D.  
**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp chung). Hai trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120.000 tỷ đồng ở nước ta là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.  
Chọn: D.  
**Câu 17:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, vùng có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản đạt dưới 5% là: Tây Nguyên, do vùng không giáp biển.  
Chọn: C.  
**Câu 18:** Do đặc điểm, tập quan sinh sống nên ở Việt Nam hiện nay việc chăn nuôi trâu bò hướng chủ yếu vào mục đích cung cấp thịt sữa.  
Chọn: A.  
**Câu 19:** Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là: Công nghiệp Năng lượng; Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; Công nghiệp dệt may; Công nghiệp Hóa chất - phân bón - cao su; Công nghiệp vật liệu xây dựng; Công nghiệp cơ khí - điện tử.  
Chọn: B.  
**Câu 20:** Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi trong thời gian qua là: Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn nhờ sự phát triển của ngành chế biến lương thực thực phẩm và phụ phẩm nông nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 21:** Điều kiện để ngành chế biến sữa ở TP. Hồ Chí Minh phát triển là: Có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất; Có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để chăn nuôi bò sữa; Có thị trường tiêu thụ lớn.  
Chọn: B.  
**Câu 22:** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện: Là vùng tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.  
Chọn: C.  
**Câu 23:** Bảng số liệu đã cho là bảng số liệu về tốc độ tăng trưởng sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 nên các nhận xét khác không chính xác.  
Đáp án: A.  
**Câu 24:** Tiềm năng thủy điện ở hệ thống Sông Hồng chiếm 37% tiềm năng thủy điện cả nước.  
Chọn: B.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là: Gỗ, giấy xenlulô; Giấy, in, văn phòng phẩm; Dệt may, da giày.  
Chọn: D.  
**Câu 26:** Công nghiệp điện lực là động lực cho các ngành kinh tế và được coi như cơ sở hạ tầng quan trọng nhất trong toàn bộ cơ cấu hạ tầng sản xuất. Thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, nâng cao trình độ phát triển của xã hội và là một trong những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của một quốc gia.  
Chọn: A.  
**Câu 27:** Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta là: Đông Nam Bộ. Vùng thứ 4 là Tây Nguyên, thứ 3 là Trung du miền núi Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (CN Năng lượng), nhà máy nhiệt điện có công suất dưới 1000 MW là Bà Rịa.  
Chọn: D.  
**Câu 29:** Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là ngành có thế mạnh phát triển lâu dài, mang lại hiệu quả kinh tế cao và có tác động tích cực đến nhiều ngành kinh tế khác.  
Chọn: B.  
**Câu 30:** Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người không phải là vai trò của ngành sản xuất lương thực.  
Chọn: C.  
**Câu 31:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 (Khí hậu), Đà Lạt thuộc vùng khí hậu Nam Bộ.  
Chọn: C.  
**Câu 32:** Vùng có diện tích chè lớn nhất cả nước là Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
Chọn: C.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Lâm nghiệp), Đồng Nai có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh không đạt trên 60%.  
Chọn: B.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Thủy sản), Kiên Giang có sản lượng thủy sản đạt trên 200.000 tấn. (Chỉ tính riêng thủy sản khai thác đã đạt 315 157 tấn).  
Chọn: C.  
**Câu 35:** Điểm khác nhau cơ bản giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam là các nhà máy nhiệt điện miền Bắc chạy bằng than, nhà máy nhiệt điện ở miền Nam chạy bằng dầu, khí.  
Chọn: B.  
**Câu 36:** Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.  
Chọn: C.  
**Câu 37:** Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi, đường bờ biển dài, có nhiều rừng ngập mặn, rừng phi lao ven biển nên: lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế và sinh thái của hầu hết các vùng lãnh thổ.  
Chọn: D.  
**Câu 38:** từ khóa “tốc độ tăng trưởng”, biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta giai đoạn 1995 – 2011, là biểu đồ đường  
Chọn: D.  
**Câu 39:** Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thuỷ điện ở nước ta là: sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.  
Chọn: A.  
**Câu 40:** Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp linh hoạt là một trong những phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.  
Chọn: B.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 8**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** Cho bảng số liệu:  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014  
Đơn vị: %  
  
Nhận định nào không đúng trong các nhận định sau?  
A. Sản lượng khai thác than có tốc độ tăng trưởng đồng đều qua các năm.  
B. Sản lượng ngành công nghiệp điện giai đoạn 1990 – 2014 có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng ngành công nghiệp dầu khí giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng đều qua các năm.  
D. Sản lượng ngành khai thác quặng sắt của nước ta giai đoạn 1990 – 2014 có xu hướng tăng.  
**Câu 2:** Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên của nước ta là:  
A. phát triển các mô hình kinh tế trang trại.  
B. nâng cao chất lượng đội ngũ lao động.  
C. xây dựng cơ sở CN chế biến gắn với vùng chuyên canh.  
D. thay đổi giống cây trồng.  
**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất?  
A. Dịch vụ.    B. Công nghiệp và xây dựng.  
C. Kinh tế biển.    D. Nông, lâm nghiệp, thủy sản.  
**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây không đúng về ngoại thương của nước ta ở thời kì sau Đổi mới?  
A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
B. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.  
C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.  
D. Có quan hệ buôn bán với nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.  
**Câu 5:** Chuyển biến cơ bản của ngoại thương về mặt quy mô xuất khẩu là:  
A. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục.  
B. Có nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực.  
C. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng.  
D. Có nhiều bạn hàng lớn: Hoa Kì, Nhật Bản,...  
**Câu 6:** Những vùng nào sau đây là vùng trồng nhiều đậu nhất cả nước:  
A. Trung du miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.  
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.  
**Câu 7:** Ở nước ta, điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là:  
A. khí hậu cận xích đạo, khô nóng quanh năm.  
B. đất badan giàu dinh dưỡng, khí hậu cận xích đạo.  
C. đất feralit phân bố trên các cao nguyên xếp tầng.  
D. đất badan có tầng phong hóa dày, mưa theo mùa.  
**Câu 8:** Nguyên nhân chính giúp diện tích gieo trồng lúa của nước ta trong thời gian qua có xu hướng tăng là:  
A. Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật.  
B. Khai hoang mở rộng diện tích.  
C. Thực hiện tốt công tác thủy lợi.  
D. Thâm canh, tăng vụ.  
**Câu 9:** Nhân tố nào sau đây không thể hiện tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực của nước ta:  
A. Giá thành xây dựng các nhà máy thấp.  
B. Nguồn thủy năng dồi dào trên các sông.  
C. Nhu cầu năng lượng điện rất lớn.  
D. Nguồn nhiên liệu (than, dầu) dồi dào.  
**Câu 10:** Cho bảng số liệu:  
XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA  
MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015  
Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ  
  
  
  
   
Ma-lai-xi-a  
Thái Lan  
Xin-ga-po  
Việt Nam  
  
  
Xuất khẩu  
210,1  
272,9  
516,7  
173,3  
  
  
Nhập khẩu  
187,4  
228,2  
438,0  
181,8  
  
  
  
Để thể hiện quy mô và cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xia, Xingapo và Việt Nam năm 2015, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.    B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ đường.    D. Biểu đồ tròn.  
**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?  
A. Tp.Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang.  
B. Cần Thơ, Cà Mau, Thanh Hóa, Quảng Ngãi.  
C. Hải Phòng, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.  
D. Hà Nội, Thái Nguyên, Hạ Long, Việt Trì.  
**Câu 12:** Ở nước ta, nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ:  
A. Thác Mơ.    B. Trị An.  
C. Yaly.    D. Cần Đơn.  
**Câu 13:** Ở nước ta, Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là do:  
A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.  
B. bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu.  
C. Nhiều bãi tôm, bãi cá, vịnh biển đẹp.  
D. kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu vận tải lớn.  
**Câu 14:** Phương hướng quan trọng nhất để khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ vùng trời - vùng biển - vùng thềm lục địa nước ta là:  
A. trang bị vũ khí quân sự.    B. đẩy mạnh chế biến tại chỗ.  
C. đánh bắt xa bờ.    D. đánh bắt ven bờ.  
**Câu 15:** Vùng nào sau đây là vùng đứng đầu cả nước về diện tích lúa:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.    B. Đông Nam Bộ  
C. Đồng bằng sông Hồng.    D. Trung du miền núi phía Bắc  
**Câu 16:** Nguyên nhân nào làm tăng thêm tính bấp bênh trong san xuất nông nghiệp của nước ta:  
A. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  
B. Nhu cầu thị trường luôn biến đổi.  
C. Kinh nghiệm của nhân dân lao động.  
D. Sự phát triển của các ngành kinh tế khác.  
**Câu 17:** Công nghiệp năng lượng được phân thành:  
A. Công nghiệp khai thác than và Công nghiệp khai dầu khí  
B. Công nghiệp khai thác nguyên nhiên liệu và sản xuất điện  
C. Công nghiệp khai thác than và sản xuất điện  
D. Công nghiệp thủy điện và Công nghiệp nhiệt điện.  
**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?  
A. Hạ Long.    B. Thái Nguyên.  
C. Cẩm Phả.    D. Việt Trì.  
**Câu 19:** Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là:  
A. Đồng bằng sông Hồng.  
B. Bắc Trung Bộ.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
D. Đông Nam Bộ.  
**Câu 20:** Lần đầu tiên, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta tiến tới sự cân đối vào năm:  
A. 1993.    B. 1992.    C. 1991.    D. 1990.  
**Câu 21:** Cho biểu đồ về diện tích các loại cây trồng nước ta:  
  
Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?  
A. Quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
B. Cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
C. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
D. Quy mô diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết nhận định nào sau đây không đúng về GDP và cơ cấu GDP phân theo ngành của ba vùng kinh tế trọng điểm?  
A. Ngành công nghiệp và xây dựng ở vùng KTTĐ phía Nam có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.  
B. Ngành nông, lâm, thủy sản ở vùng KTTĐ miền Trung có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.  
C. Ngành dịch vụ ở vùng KTTĐ phía Bắc có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.  
D. Quy mô GDP lớn nhất là vùng KTTĐ phía Bắc, nhỏ nhất là vùng KTTĐ miền Trung.  
**Câu 23:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là?  
A. Chất lượng sản phẩm chưa cao.  
B. Giá trị thuế xuất khẩu cao.  
C. Tỉ trọng mặt hàng gia công lớn.  
D. Làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.  
**Câu 24:** Nhà máy điện nào sau đây là nhà máy thủy điện:  
A. Hiệp Phước.     B. Đa Nhim.  
C. Uông Bí.     D. Na Dương.  
**Câu 25:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng của Đông Nam Bộ là  
A. Vũng Tàu.    B. TP Hồ Chí Minh.  
C. Thủ Dầu Một.    D. Biên Hòa.  
**Câu 26:** Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là:  
A. có thị trường xuất khẩu rộng mở.  
B. có nguồn lao động dồi dào, lương thấp.  
C. có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng phong phú.  
D. có nhiều cơ sở, phân bố rộng khắp trên cả nước.  
**Câu 27:** Ngành không thuộc công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là:  
A. dệt – may, da, giầy.  
B. chế biến gạo, ngô xay xát.  
C. sản xuất rượu, bia, nước ngọt.  
D. chế biến chè, cà phê, thuốc lá.  
**Câu 28:** Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác nhất nước ta là:  
A. Bể Cửu Long, bể Nam Côn Sơn.  
B. Bể Cửu Long và bể Sông Hồng.  
C. Bể Thổ Chu-Mã Lai và bể Cửu Long.  
D. Bể Nam Côn Sơn, bể Sông Hồng.  
**Câu 29:** Cho biểu đồ:  
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA  
  
Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta giai đoạn 1990 - 2014?  
A. Cây lương thực có hạt có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất  
B. Cây công nghiệp hàng năm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
C. Cây công nghiệp lâu năm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
D. Cây ăn quả có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.  
**Câu 30:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta là ngành:  
A. công nghiệp khai thác.  
B. công nghiệp chế biến.  
C. công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí, nước.  
D. công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác.  
**Câu 31:** Điểm nào sau đây không đúng với ngành ngoại thương nước ta?  
A. Thị phần châu Á chiếm tỉ trọng không đáng kể trong cơ cấu kim ngạch nhập khẩu.  
B. Kim ngạch nhập khẩu và xuất khẩu tăng khá nhanh, đặc biệt từ 2000 đến 2005.  
C. Từ năm 1993 đến nay, tiếp tục nhập siêu, nhưng bản chất khác xa với nhập siêu thời kì trước Đổi mới.  
D. Thị trường buôn bán ngày càng được mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong tỉnh nào của vùng Tây Nguyên trồng nhiều cà phê nhất?  
A. Lâm Đồng.    B. Đắk Nông.  
C. Đắk Lắk.    D. Gia Lai.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) thấp nhất ở Đông Nam Bộ?  
A. Bình Dương.    B. Đồng Nai.  
C. Tây Ninh.    D. Bình Phước.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5,cho biết Khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây ?  
A. Phú Yên.    B. Bình Định.  
C. Quảng Ngãi.    D. Quảng Nam.  
**Câu 35:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7 và trang 4-5,hãy cho biết vịnhVân Phong là vịnh biển thuộc tỉnh (thành)nào sau đây?  
A. Khánh Hoà.    B. Phú Yên.  
C. Bình Thuận.    D. Đà Nẵng.  
**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực,thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?  
A. Thái Nguyên.    B. TP.Hồ Chí Minh.  
C. Bến Tre.    D. Hải Phòng.  
**Câu 37:** Nhân tố tác động mạnh mẽ tới sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta là:  
A. Nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.  
B. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.  
C. Thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.  
D. Nguồn lao động có kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.  
**Câu 38:** Năng suất lúa của nước ta trong thời gian gần đây tăng nhanh chủ yếu do:  
A. Kinh nghiệm người dân được phát huy.  
B. Mở rộng diện tích trồng lúa.  
C. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.  
D. Thời tiết ổn định hơn so với giai đoạn trước.  
**Câu 39:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là  
A. Tăng số lượng tàu thuyền và công suất của tàu.  
B. Phát triển công nghiệp chế biến.  
C. Mở rộng thị trường.  
D. Ngư dân có nhiều kinh nghiệm.  
**Câu 40:** Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm vì:  
A. Giá cả hợp lý.  
B. Nhiều bãi biển đẹp.  
C. Không có mùa đông lạnh.  
D. Cơ sở lưu trú tốt.  
**Đáp án**  
**Phần trắc nghiệm**  
**Câu 1:** So sánh tốc độ tăng trưởng sản lượng các ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 – 2014 .  
Than: Tăng nhanh trong giai đoạn đầu, chậm trong giai đoạn cuối.  
Điện: Tăng nhanh nhất.  
Quặng sắt tăng qua các năm.  
Chọn: C.  
**Câu 2:** Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên của nước ta là: xây dựng cơ sở CN chế biến gắn với vùng chuyên canh.  
Chọn: C.  
**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27 (biểu đồ tròn), trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, khu vực công nghiệp xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất (36,4%), dịch vụ đứng thứ 2 (36%).  
Chọn: B .  
**Câu 4:** Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu không ổn định, thường nhập siêu. Nên C sai.  
Chọn: C.  
**Câu 5:** tổng kim ngạch xuất khẩu là thước đo quy mô xuất khẩu.  
Nhiều mặt hàng xuất khẩu là nói về cơ cấu hàng. có nhiều bạn hàng lớn như: Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc là nói về thị trường xuất khẩu. Nên A đúng.  
Chọn: A.  
**Câu 6:** Đông Nam Bộ, Tây Nguyên là 2 vùng đứng đầu cả nước về diện tích trồng đậu. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn C.  
**Câu 7:** Ở nước ta, điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là có đất badan giàu dinh dưỡng, khí hậu cận xích đạo.  
Chọn: B.  
**Câu 8:** Nguyên nhân chính giúp diện tích gieo trồng lúa của nước ta trong thời gian qua có xu hướng tăng là nước ta tiến hành thâm canh, tăng vụ.  
Chọn: D.  
**Câu 9:** Giá thành xây dựng các nhà máy thấp không phải là tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực của nước ta.  
Chọn: A.  
**Câu 10:** Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ biểu hiện cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xia, Xingapo và Việt Nam năm 2015 là biểu đồ tròn; cụ thể mỗi nước 1 biểu đồ tròn.  
Đáp án: D.  
**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp), xác định quy mô trung tâm công nghiệp từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng. Đó là các trung tâm: Hải Phòng, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.  
Chọn: C.  
**Câu 12:** Yaly là nhà máy thủy điện nằm trên sông Xê Xan (Tây Nguyên).  
Chọn: C.  
**Câu 13:** Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là do có bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu.  
Chọn: B.  
**Câu 14:** Phương hướng quan trọng nhất để khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ vùng trời- vùng biển- vùng thềm lục địa nước ta là đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.  
Chọn: C.  
**Câu 15:** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đứng đầu cả nước về diện tích lúa: chiếm trên 50% diện tích trồng lúa cả nước. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn A.  
**Câu 16:** Nguyên nhân nào làm tăng thêm tính bấp bênh trong san xuất nông nghiệp của nước ta là Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Bởi điều kiện này gây ra các khó khăn như độ ẩm cao (khó bảo quản nông sản), điều kiện nóng ẩm (dễ sinh dịch bệnh), nhiều thiên tai bão lũ…  
Chọn A.  
**Câu 17:** Công nghiệp năng lượng được phân thành: Công nghiệp khai thác nguyên nhiên liệu (khai thác than, dầu khí và các loại khác) và sản xuất điện (thủy điện, nhiệt điện, các loại khác).  
Chọn: B  
**Câu 18:** Trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là Hạ Long (từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng). Cẩm Phả, Thái Nguyên, Việt Trì có giá trị dưới 9 nghìn tỉ đồng).  
Chọn: A.  
**Câu 19:** Với đường bờ biển dài, khúc khuỷu, Duyên hải Nam Trung Bộ trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta. Ví dụ: Nha Trang, Phan Rang , Mỹ Khê, Sa Huỳnh , Quy Nhơn, Vân Phong,...  
Chọn: C.  
**Câu 20:** Năm 1992, lần đầu tiên, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta tiến tới sự cân đối. Tỉ trọng xuất khẩu: 49,6%; Tỉ trọng nhập khẩu: 50,4%.  
Chọn: B.  
**Câu 21:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, đơn vị, biểu đồ thể hiện nội dung: Quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta.  
Chọn: A.  
**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30 (Vùng KTTĐ – biểu đồ tròn).  
Quy mô GDP lớn nhất là vùng KTTĐ miền Nam, nhỏ nhất là vùng KTTĐ miền Trung, nên D sai.  
Chọn: D.  
**Câu 23:** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là tỉ trọng mặt hàng gia công lớn: ví dụ: 90 – 95% hàng dệt may.  
Chọn: C.  
**Câu 24:** Trong các nhà máy thì nhà máy Đa Nhim là nhà máy thủy điện, nằm trên sông Đa Nhim, công suất 160MW.  
Chọn: B.  
**Câu 25:** trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng của Đông Nam Bộ là TP Hồ Chí Minh.  
Chọn: B.  
**Câu 26:** Các phương án đều đề cập đến cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta. Nhưng hiện nay, nhân tố hàng đầu với ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là do n ước ta có ngành nông nghiệp với nhiều sản phẩm: sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy hải sản.  
Chọn: C  
**Câu 27:** dệt – may, da, giầy là ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  
Chọn: A  
**Câu 28:** Thông tin sách giáo khoa Địa lí 12 trang 119.  
Chọn: A.  
**Câu 29:** Nhìn vào biểu đồ và so sánh sự tăng trưởng của các loại cây.  
Cây CN lâu năm tăng trưởng nhanh nhất, tiếp đến là cây ăn quả, sau đó là cây lương thực có hạt, thấp nhất là cây hàng năm.  
Đáp án: C.  
**Câu 30:** xem biểu đồ hình 26.1. sách giáo khoa 12, trang 113. Ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng khoảng 80% trong cơ cấu công nghiệp phân theo 3 nhóm ngành. Năm 2005, chiếm 83,2%.  
Chọn: B  
**Câu 31:** Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là khu vực châu Á – Thái Bình Dương và châu Âu. Nên A sai.  
Chọn: A.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, xác định kí hiệu cà phê. Tỉnh trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên là Đắk Lắk.  
Chọn: C.  
**Câu 33:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 (Kinh tế chung). Trong các tỉnh đượng nêu, Tây Ninh GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) thấp nhất ở Đông Nam Bộ (màu nhạt nhất – từ 6 đến 9 triệu đồng). Bình Phước (từ 12 đến 15 triệu đồng). Đồng Nai (từ 15 đến 18 triệu đồng). Bình Dương ( trên 18 triệu đồng).  
Chọn: C.  
**Câu 34:** Khu kinh tế mở Chu Lai là một khu kinh tế thuộc tỉnh Quảng Nam, là một đòn bẩy quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.  
Chọn: D.  
**Câu 35:** Vịnh Vân Phong là tên vịnh thuộc tỉnh Khánh Hòa. Đây là một trong 21 khu du lịch quốc gia của Việt Nam.  
Chọn: A.  
**Câu 36:** trung tâm công nghiệp chế biến lương thực,thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn là Hải Phòng. TP.Hồ Chí Minh – rất lớn. Thái Nguyên, Bến Tre – vừa.  
Chọn: D.  
**Câu 37:** Dựa trên đặc điểm phát triển ngành chế biến lương thực, thực phẩm, nhân tố tác động mạnh mẽ nhất tới sự phân bố của ngành là Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ  
Chọn: B.  
**Câu 38:** Năng suất lúa của nước ta trong thời gian gần đây tăng nhanh do đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.  
Chọn: C.  
**Câu 39:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là do tăng số lượng tàu thuyền và công suất của tàu.  
Chọn: A.  
**Câu 40:** Do vị trí không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc → không có mùa đông lạnh nên hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm.  
Chọn: C.  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 9**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Câu 1.** Yếu tố quan trọng nhất tạo điều kiện cho phát triển sản xuất nông nghiệp quanh năm, dễ dàng áp dụng các biện pháp luân canh, xen canh, tăng vụ là  
A. nhiệt, ẩm dồi dào.  
B. địa hình đa dạng.  
C. sinh vật phong phú.  
D. khí hậu phân hóa.  
**Câu 2.** Vùng nuôi trâu nhiều nhất nước ta là  
A. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
B. Bắc Trung Bộ.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Câu 3.** Sản xuất theo hướng nông nghiệp hàng hóa là  
A. quảng canh và đa canh.  
B. thâm canh, chuyên môn hóa.  
C. sử dụng sức người là chính.  
D. tự sản, tự tiêu.  
**Câu 4.** Cây công nghiệp nước ta chủ yếu là cây công nghiệp  
A. á nhiệt.  
B. ôn đới.  
C. cận nhiệt đới.  
D. nhiệt đới.  
**Câu 5.** Đất nông nghiệp nước ta có hạn nên biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lúa là  
A. thâm canh, tăng vụ.  
B. trồng nhiều hoa màu.  
C. khai hoang để trồng lúa.  
D. thúc đẩy quảng canh.  
**Câu 6.** Cho biểu đồ:  
  
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU GIÀY, DÉP VÀ HÀNG DỆT MAY NƯỚC TA.  
Hãy cho biết biểu đồ trên có điểm sai nào sau đây?  
A. Tên biểu đồ.  
B. Khoảng cách năm.  
C. Khoảng cách số liệu trên trục tung.  
D. Chiều cao các cột.  
**Câu 7.** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cho phép nước ta phát triển nền nông nghiệp  
A. cận nhiệt.  
B. nhiệt đới.  
C. ôn đới.  
D. á nhiệt.  
**Câu 8.** Năm 2018 nước ta có 94,7 triệu dân sống trên một lãnh thổ rộng 331212 km2 và mật độ dân số là ..... người/km2.  
A. 28,5.  
B. 0,285  
C. 0,000285.  
D. 285.  
**Câu 9.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về giá trị sản xuất và cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành trong nông nghiệp giai đoạn 2000-2007?  
A. Giảm tỉ trọng ngành lâm nghiệp.  
B. Giảm giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.  
C. Giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp.  
  
D. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản.  
**Câu 10.** Cho bảng số liệu: Diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014  
  
  
  
  
Năm  
  
  
2005  
  
  
2009  
  
  
2011  
  
  
2014  
  
  
  
  
Diện tích **(nghìn ha)**  
  
  
7 329,2  
  
  
7 437,2  
  
  
7 655,4  
  
  
7 816,2  
  
  
  
  
Sản lượng **(nghìn tấn)**  
  
  
35 832,9  
  
  
38 950,2  
  
  
42 398,5  
  
  
44 974,6  
  
  
  
  
Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ đường.  
B. Biểu đồ miền.  
C. Biểu đồ kết hợp cột và đường.  
D. Biểu đồ cột gộp.  
**Câu 11.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, năm 2007 tỉnh nào có diện tích trồng lúa ít nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?  
A. Cà Mau.  
B. Đồng Tháp  
C. Bến Tre.  
D. Long An.  
**Câu 12.** Sản xuất nông nghiệp bấp bênh chủ yếu do yếu tố  
A. sinh vật biến đổi gen.  
B. khí hậu thất thường.  
C. thiếu kinh nghiệm sản xuất.  
D. thiếu lao động.  
**Câu 13.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hai vùng tập trung diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu ăn và cây ăn quả lớn nhất nước ta là?  
A. Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long  
C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.  
D. Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ  
**Câu 14.** Các cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao của nước ta là?  
A. Cà phê, điều, chè  
B. Cà phê, cao su, mía  
C. Điều, chè, thuốc lá  
D. Hồ tiêu, bông, chè  
**Câu 15.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, năng suất lúa nước ta năm 2007 trung bình tăng thêm bao nhiêu tấn trên mỗi ha so với năm 2000.  
A. 4,24.  
B. 7,4.  
C. 0,74.  
D. 4,9.  
**Câu 16.** Trong thời gian gần đây, cây công nghiệp lâu năm ở nước ta được phát triển mạnh mẽ chủ yếu là do  
A. khí hậu nóng ẩm.  
C. thị trường mở rộng.  
B. đất đai thích hợp.  
D. lao động dồi dào.  
**Câu 17.** Thế mạnh nông nghiệp ở đồng bằng nước ta là  
A. gia cầm, cây lâu năm.  
B. cây lâu năm, gia súc lớn.  
C. cây lâu năm, thủy sản.  
D. cây hàng năm, thủy sản.  
**Câu 18.** Mục đích quan trọng nhất của nền nông nghiệp hàng hóa là  
A. tiêu dùng tại chỗ.  
B. tự cấp, tự túc.  
C. tạo ra nhiều lợi nhuận.  
D. sử dụng nhiều lao động.  
**Câu 19.** Vựa lúa lớn nhất nước là  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. ven biển Nam Trung Bộ  
C. Bắc Trung Bộ.  
D. Đồng bằng sông Hồng.  
**Câu 20.** Năng suất lúa của nước ta trong thời gian gần đây tăng nhanh do  
A. thâm canh.  
B. khai hoang.  
C. thời tiết ổn định hơn.  
D. mở rộng diện tích.  
**Câu 21.** Cơ sở thức ăn tự nhiên cho chăn nuôi gia súc ở nước ta được đảm bảo tốt hơn nhiều, từ  
A. hoa màu lương thực.  
B. thức ăn chế biến công nghiệp.  
C. phụ phẩm của thuỷ sản.  
D. đồng cỏ.  
**Câu 22.** Sản lượng lương thực bình quân đầu người cao nhất cả nước thuộc về vùng  
A. Duyên hải miền Trung.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Hồng.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Câu 23.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, 2007 tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước?  
A. Lâm Đồng.  
B. Bình Phước.  
C. Gia Lai  
D. Đắk Lắk.  
**Câu 24.** Theo quy luật, chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở vùng  
A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long  
B. Đông Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ  
C. Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên  
D. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long  
**Câu 25.** Căn cứ biểu đồ miền Atlat trang 15, ngành có tỉ lệ lao động nhiều nhất là  
A. dịch vụ.  
B. công nghiệp-xây dựng.  
C. công nghiệp trọng điểm.  
D. nông - lâm - thủy sản.  
**Câu 26.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, vào năm 2007 đô thị thuộc tỉnh có quy mô dân số cao nhất là  
A. Huế.  
B. Tp Hồ Chí Minh.  
C. Hà Nội.  
D. Biên Hòa.  
**Câu 27.** Năm 2016, nông dân Việt Nam sản xuất được 45,1 triệu tấn lúa để nuôi sống 92 triệu dân và có dư để xuất khẩu thu ngoại tệ do mức bình quân sản lượng lúa theo đầu người đạt … kg/người.  
A. 49.  
B. 490.  
C. 203,99.  
D. 0,49.  
**Câu 28.** Các vật nuôi cung cấp thịt chủ yếu ở nước ta là  
A. Lợn, gia cầm.  
B. Bò, ngựa.  
C. Trâu, bò.  
D. Gia cầm, trâu.  
**Câu 29.** Cộng đồng các dân tộc Việt Nam gồm  
A. 64 dân tộc.  
B. 58 dân tộc.  
C. 54 dân tộc.  
D. 56 dân tộc.  
**Câu 30.** Vùng trồng chè lớn nhất nước là  
A. Đông Nam Bộ.  
B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
C. Đồng bằng sông Hồng.  
D. Tây Nguyên.  
**Câu 31.** Khó khăn lớn nhất về mặt kinh tế xã hội đối với phát triển cây công nghiệp lâu năm hiện nay ở nước ta là  
A. mùa khô thiếu nước.  
B. thị trường biến động.  
C. bão, hạn gây mất mùa.  
D. mùa mưa lụt úng.  
**Câu 32.** Phát biểu nào không đúng với biểu hiện về sự khai thác ngày càng có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta?  
A. Các tập đoàn cây, con được phân bố phù hợp hơn.  
B. Tạo giống ngắn ngày có thể thu hoạch trước mùa mưa bão.  
C. Trong thời gian dài, cơ cấu mùa vụ không thay đổi.  
D. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ đẩy mạnh chế biến.  
**Câu 33.** Áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng là do có sự phân hóa của  
A. khí hậu và thức ăn.  
B. địa hình, đất trồng.  
C. nguồn nước.  
D. đất và sinh vật.  
**Câu 34.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, vào năm 2007, tỉnh có số lượng gia cầm trên 9 triệu con là  
A. Quảng Bình.  
B. Hà Tĩnh.  
C. Quảng Trị.  
D. Nghệ An.  
**Câu 35.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cây mía không phải là cây chuyên môn hóa của vùng  
A. Đồng bằng sông Hồng.  
B. Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
D. Đông Nam Bộ.  
**Câu 36.** Tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp nhiệt đới chủ yếu do phân hóa  
A. đất trồng.  
B. sinh vật.  
C. khí hậu.  
D. địa hình.  
**Câu 37.** Gần đây dân số nước ta tăng chậm lại là do  
A. Tỉ suất tăng tự nhiên tăng.  
B. Tỉ suất sinh thô giảm.  
C. Tỉ suất sinh thô tăng.  
D. Chuyển cư.  
**Câu 38.** Căn cứ Atlat trang 19, vào năm 2007, hai tỉnh có số lượng trâu bò lớn nhất nước ta là  
A. Thanh Hóa, Nghệ An  
B. Thanh Hóa, Bình Định  
C. Quảng Ninh, Thanh Hóa  
D. Nghệ An, Quảng Nam  
**Câu 39.** Ở nước ta, 2018 tỉ suất sinh thô là 17‰, tỉ suất tử thô là 7‰. Tỉ suất gia tăng tự nhiên là bao nhiêu phần trăm?  
A. 10  
B. 2,4  
C. 24  
D. 1  
**Câu 40.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành chăn nuôi ở nước ta ngày càng phát triển mạnh là  
A. Có cơ sở chế biến.  
B. dân có kinh nghiệm.  
C. thức ăn được đảm bảo.  
D. thú y có tiến bộ.  
**Đáp án**  
  
  
  
  
**Câu**  
  
  
**Đáp án**  
  
  
  
  
1  
  
  
A  
  
  
  
  
2  
  
  
C  
  
  
  
  
3  
  
  
B  
  
  
  
  
4  
  
  
D  
  
  
  
  
5  
  
  
A  
  
  
  
  
6  
  
  
A  
  
  
  
  
7  
  
  
B  
  
  
  
  
8  
  
  
D  
  
  
  
  
9  
  
  
B  
  
  
  
  
10  
  
  
A  
  
  
  
  
11  
  
  
C  
  
  
  
  
12  
  
  
B  
  
  
  
  
13  
  
  
C  
  
  
  
  
14  
  
  
A  
  
  
  
  
15  
  
  
C  
  
  
  
  
16  
  
  
C  
  
  
  
  
17  
  
  
D  
  
  
  
  
18  
  
  
C  
  
  
  
  
19  
  
  
A  
  
  
  
  
20  
  
  
A  
  
  
  
  
21  
  
  
D  
  
  
  
  
22  
  
  
D  
  
  
  
  
23  
  
  
B  
  
  
  
  
24  
  
  
D  
  
  
  
  
25  
  
  
D  
  
  
  
  
26  
  
  
D  
  
  
  
  
27  
  
  
B  
  
  
  
  
28  
  
  
A  
  
  
  
  
29  
  
  
C  
  
  
  
  
30  
  
  
B  
  
  
  
  
31  
  
  
B  
  
  
  
  
32  
  
  
C  
  
  
  
  
33  
  
  
B  
  
  
  
  
34  
  
  
D  
  
  
  
  
35  
  
  
A  
  
  
  
  
36  
  
  
C  
  
  
  
  
37  
  
  
B  
  
  
  
  
38  
  
  
A  
  
  
  
  
39  
  
  
D  
  
  
  
  
40  
  
  
C  
  
  
  
  
**Đề thi Giữa học kì 2 Địa Lí lớp 12 có đáp án đề số 10**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề khảo sát chất lượng Giữa Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Môn: Địa Lí 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
**Câu 1:**Trong số các ngành công nghiệp sau, ngành nào không phải là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.  
A. Công nghiệp năng lượng, chế biến lương thực thực phẩm.  
B. Công nghiệp khai khoáng, luyện kim đen- luyện kim màu.  
C. Công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí điện tử.  
D. Công nghiệp dệt may, hóa chất- phân bón- cao su.  
**Câu 2:**Phong trào người Việt dùng hàng Việt không có ý nghĩa:  
A. Giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu.  
B. Thay đổi thói quen sính hàng ngoại nhập.  
C. Thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.  
D. Hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.  
Câu 3: Sau đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta mở rộng theo hướng:  
A. Tiếp cận với thị trường Châu Mỹ và châu Phi.  
B. Chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.  
C. Tăng mạnh vào thị trường Đông Nam Á.  
D. Đa dạng hóa, đa phương hóa.  
**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm:  
A. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.  
B. Sử dụng nhiều loại tài nguyên có quy mô lớn.  
C. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.  
D. Có thế mạnh lâu dài về tự nhiên- kinh tế - xã hội.  
**Câu 5:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là:  
A. Có nhiều hồ thủy lợi, thủy điện.  
B. Đường bờ biển dài, nhiều ngư trường lớn.  
C. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.  
D. Nhiều sông, ao hồ, bãi triều, đầm phá.  
**Câu 6:**Vùng dẫn đầu cả nước về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp là:  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đông Nam Bộ.  
D. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
**Câu 7:** Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là:  
A. Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.  
B. Bãi đá cổ SaPa và thành nhà Hồ.  
C. Vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.  
D. Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.  
**Câu 8:** Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay là:  
A. Sơn La.  
B. Hòa Bình.  
C. Yaly.  
D. Thác Bà.  
**Câu 9**: Các thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là:  
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc.  
B. Bắc Mĩ và châu Á.  
C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.  
D. Châu Âu và châu Phi.  
**Câu 10**: Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta là:  
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc.  
B. Bắc Mĩ và châu Á.  
C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.  
D. Châu Âu và châu Phi.  
**Câu 11**: Con đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước là:  
A. Đường Hồ Chí Minh.  
B. Quốc Lộ 1.  
C. Quốc lộ 9.  
D. Quốc lộ 2.  
**Câu 12:** Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng:  
A. Giảm mạnh tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
B. Giảm tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm.  
C. Tăng tỉ trọng của khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, giảm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
D. Tăng tỉ trọng của khu vực nhà nước, giảm tỷ trọng của khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
**Câu 13**: Việt Nam chưa phải là nước xuất khẩu chủ yếu hàng hoá về:  
A. Công nghiệp nặng và khoáng sản.  
B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.  
C. Nông, lâm, thuỷ sản.  
D. Công nghiệp chế tạo.  
**Câu 14**: Nguyên nhân nào sau đây được xem là chủ yếu nhất làm cho kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên?  
A. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường.  
B. Tăng cường sản xuất hàng hoá.  
C. Nâng cao năng suất lao động.  
D. Tổ chức sản xuất hợp lí.  
**Câu 15**: Nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm của nước ta là:  
A. Lao động có kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.  
B. Thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.  
C. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.  
D. Nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.  
**Câu 16:**Sản lượng điện của nước ta trong những năm gần đây tăng rất nhanh chủ yếu do:  
A. Nguồn điện nhập khẩu tăng nhanh.  
B. Xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy điện khí.  
C. Đưa các nhà máy thủy điện mới vào hoạt động.  
D. Nhu cầu điện đối với sản xuất và xuất khẩu tăng.  
**Câu 17:**Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do:  
A. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.  
B. Sự phục hồi và phát triển của sản xuất.  
C. Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức WTO.  
D. Tiếp cận với thị trường Châu Phi và Châu Mĩ.  
**Câu 18**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:  
A. Vĩnh Phúc  
B. Quảng Ninh  
C. Bắc Ninh  
D. Phú Thọ  
**Câu 19:** Ngành du lịch ở nước ta thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ:  
A. Nước ta giàu tiềm năng phát triển du lịch.  
B. Chính sách đổi mới của nhà nước.  
C. Phát triển các điểm, khu du lịch thu hút khách.  
D. Quy hoạch các vùng du lịch.  
**Câu 20**: Theo cách phân loại hiện hành, các ngành công nghiệp nước ta có:  
A. 2 nhóm với 19 ngành.  
B. 4 nhóm với 23 ngành.  
C. 3 nhóm với 29 ngành.  
D. 5 nhóm với 32 ngành.  
**Câu 21:** Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong những năm qua tăng và cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là do:  
A. Các thành phần khác chưa phát huy được tiềm năng sản xuất công nghiệp.  
B. Đây là khu vực kinh tế có vai trò chủ đạo.  
C. Kết quả của việc nước ta gia nhập WTO.  
D. Kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội.  
**Câu 22:** Phát biểu nào sau đây không đúng về ngoại thương của nước ta ở thời kì sau Đổi mới?  
A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.  
B. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.  
C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.  
D. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.  
**Câu 23:**Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì:  
A. Nhu cầu về điện không cao như miền Bắc.  
B. Xa nguồn nguyên liệu.  
C. Gây ô nhiễm môi trường.  
D. Xây dựng ban đầu đòi hỏi vốn đầu tư lớn.  
**Câu 24**: Năng suất lương thực tăng mạnh chủ yếu là do:  
A. Tăng diện tích  
B. Sử dụng các biện pháp thâm canh  
C. Đưa các giống mới vào sản xuất  
D. Ít thiên tai xảy ra  
**Câu 25:** Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là:  
A. Hà Nội – Lào Cai.  
B. Hà Nội – TP Hồ Chí Minh.  
C. Lưu Xá – Kép – Bãi Cháy.  
D. Hà Nội - Thái Nguyên.  
**Câu 26:**Vùng nào sau đây là vùng trồng nhiều rau nhất cả nước:  
A. Trung du miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.  
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.  
**Câu 27**: Tổng chiều dài đường sắt nước ta là:  
A. 3134.  
B. 1343.  
C. 4134.  
D. 3143.  
**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết cây công nghiệp không phải là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:  
A. Đậu tương.  
B. Bông.  
C. Điều.  
D. Thuốc lá.  
**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các trung tâm du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:  
A. Hạ Long, Thái Nguyên.  
B. Thái Nguyên, Việt Trì.  
C. Hạ Long, Lạng Sơn.  
D. Hạ Long, Điện Biên Phủ.  
**Câu 30:** Các khu công nghiệp phân bố tập trung nhất ở vùng:  
A. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long.  
D. Đồng bằng sông Hồng.  
**Câu 31**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết quy mô dân số các đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng xếp theo tứ tự giảm dần là:  
A. Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương.  
B. Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng.  
C. Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương.  
D. Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định.  
**Câu 32:**Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?  
A. Hải Phòng, Bà Rịa Vũng Tàu.  
B. Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.  
C. Hà Nội, Việt Trì.  
D. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.  
**Câu 33**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) cao nhất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ?  
A. Bình Thuận.  
B. Khánh Hòa.  
C. Quảng Ngãi.  
D. Bình Định.  
**Câu 34**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5, cho biết Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Thừa Thiên – Huế.  
B. Hà Tĩnh.  
C. Quảng Ngãi.  
D. Phú Yên.  
**Câu 35:** Cho biểu đồ:  
[Exception loading image]  
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với tình hình sản xuất lúa của nước ta, giai đoạn 2005-2014?  
A. Diện tích lúa hè thu giảm liên tục, lúa khác tăng.  
B. Diện tích lúa khác, lúa hè thu tăng liên tục.  
C. Sản lượng lúa tăng liên tục qua các năm.  
D. Diện tích lúa hè thu lớn hơn diện tích lúa khác.  
**Câu 36:** Cho biểu đồ về dân số thành thị và dân số nông thôn:  
[Exception loading image]  
Biểu đồ sau thể hiện nội dung gì?  
A. Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
B. Biểu đồ thể hiện tốc quy mô và cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
C. Biểu đồ thể hiện sự thay đổi số dân phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
D. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
**Câu 37**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?  
A. Thái Nguyên.  
B. TP.Hồ Chí Minh.  
C. Bến Tre.  
D. Hải Phòng.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết những tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ( năm 2007) đạt trên 60%?  
A. Quảng Bình, Tuyên Quang, Kon Tum, Lâm Đồng  
B. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Hà Tĩnh  
C. Quảng Bình, Hà Giang, Kon Tum, Lâm Đồng  
D. Tuyên Quang, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng  
**Câu 39**: Cho bảng số liệu  
XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015  
Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ  
  
  
  
   
  
Ma-lai-xi-a  
  
  
Thái Lan  
  
  
Xin-ga-po  
  
  
Việt Nam  
  
  
  
  
Xuất khẩu  
  
  
210,1  
  
  
272,9  
  
  
516,7  
  
  
173,3  
  
  
  
  
Nhập khẩu  
  
  
187,4  
  
  
228,2  
  
  
438,0  
  
  
181,8  
  
  
  
  
Để thể hiện cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan và Việt Nam năm 2015, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?  
A. Biểu đồ miền.  
B. Biểu đồ cột.  
C. Biểu đồ đường.  
D. Biểu đồ tròn.  
**Câu 40:** Cho bảng số liệu  
GIÁ TRỊ CÁC NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2011 – 2015  
Đơn vị: tỉ đồng  
  
  
  
  
Năm  
  
  
2011  
  
  
2012  
  
  
2013  
  
  
2014  
  
  
2015  
  
   
  
  
  
Khu vực 1  
  
  
658779  
  
  
   
  
  
558284  
  
  
638773  
  
  
696969  
  
  
712460  
  
  
  
  
Khu vực 2  
  
  
1373000  
  
  
1020408  
  
  
1199359  
  
  
1307935  
  
  
1394130  
  
  
   
  
  
  
  
Khu vực 3  
  
  
1552483  
  
  
957939  
  
  
1112552  
  
  
1537197  
  
  
1665962  
  
  
   
  
  
  
  
Tổng  
  
  
3584262  
  
  
2536631  
  
  
2950684  
  
  
3937856  
  
  
4192862  
  
   
  
  
  
Nhận định nào đúng trong các nhận định sau?  
A. Tốc độ tăng trưởng khu vực 1 nhanh nhất, thấp nhất là khu vực 3.  
B. Khu vực 2 có tốc độ tăng trưởng chậm nhất, nhanh nhất là khu vực 3.  
C. Khu vực 1 có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong 3 khu vực.  
D. Tốc độ tăng trưởng khu vực 3 nhanh nhất, thấp nhất là khu vực 2.  
**Đáp án**  
**Câu 1**: Một số ngành CN trọng điểm của nước ta là: Công nghiệp Năng lượng; Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; Công nghiệp dệt may; Công nghiệp Hóa chất - phân bón - cao su; Công nghiệp vật liệu xây dựng; Công nghiệp cơ khí - điện tử.  
Chọn: B.  
**Câu 2:** Phong trào người Việt dùng hàng Việt có ý nghĩa: Hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.  
Chọn: D.  
**Câu 3**: Sau đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta mở rộng theo hướng: Đa dạng hóa, đa phương hóa.  
Chọn: D.  
**Câu 4**: Đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm là: Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Mang lại hiệu quả kinh tế cao. Có thế mạnh lâu dài về tự nhiên- kinh tế - xã hội.  
Chọn: B.  
**Câu 5**: Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là: Nhiều sông, ao hồ, bãi triều, đầm phá, vụng, vịnh  
Chọn: D.  
**Câu 6:** Đông Nam Bộ là vùng dẫn đầu cả nước về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp.  
Chọn: C.  
**Câu 7**: Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.  
Chọn: D.  
**Câu 8**: Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất hiện nay là nhà máy thủy điện Sơn La (2400MW).  
Chọn: A.  
**Câu 9:**khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu là các thị trường nhập khẩu lớn của nước ta vì có nhiều nét tương đồng về sản xuất, tiêu dùng. Giá cả hợp lí hơn các thị trường khác.  
Chọn: C.  
**Câu 10:** Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc là các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta với các mặt hàng: lúa gạo, nông sản nhiệt đới, cá basa,...  
Chọn: A.  
**Câu 11**: Đường Hồ Chí Minh là con đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước.  
Chọn: A.  
**Câu 12**: Trong những năm gần đây, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng: Giảm mạnh tỉ trọng của khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
Chọn: A.  
**Câu 13:** Do điều kiện chưa cho phép nên nước ta chưa xuất khẩu các hàng hoá về: công nghiệp chế tạo. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là CN nặng, CN nhẹ, khoáng sản, hàng tiểu thủ CN, nông, lâm, thủy sản.  
Chọn: D.  
**Câu 14**: Do nước nước ta là thành viên của WTO, và 1 số liên kết khu vực nên đã mở rộng và đa dạng hoá thị trường. → kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên.  
Chọn: A.  
**Câu 15**: Nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm của nước ta là: Nguồn nguyên liệu (từ nông – lâm – ngư nghiệp) và thị trường tiêu thụ.  
Chọn: D.  
**Câu 16:** Sản lượng điện của nước ta trong những năm gần đây tăng rất nhanh chủ yếu do: Xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy điện khí.  
Chọn: B.  
**Câu 17:**Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do: Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.  
Chọn: A.  
**Câu 18**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, Quảng Ninh là tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 19**: Ngành du lịch ở nước ta thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ: Chính sách đổi mới của nhà nước.  
Chọn: B.  
**Câu 20**: Theo cách phân loại hiện hành, các ngành công nghiệp nước ta có 3 nhóm với 29 ngành.  
Chọn: C.  
**Câu 21**: Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong những năm qua tăng và cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là do kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội (chính sách đa dạng hóa thị trường).  
Chọn: D.  
**Câu 22**: Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu không ổn định, chủ yếu là nhập siêu. Nên C sai.  
Chọn: C.  
**Câu 23**: Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì nguyên liệu của vùng này chủ yếu là dầu khí ở thềm lục địa phía nam, xa nguồn nguyên liệu than đá.  
Chọn: B.  
**Câu 24:** Các biện pháp trên đều là các biện pháp giúp tăng năng suất cây lương thực. Nhưng biện pháp quan trọng nhất là: Sử dụng các biện pháp thâm canh.  
Chọn B.  
Câu 25: Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – TP Hồ Chí Minh) 1726 km  
Chọn: B.  
**Câu 26**: Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng nhiều rau nhất. Thông tin sách giáo khoa 12, trang 94.  
Chọn B.  
**Câu 27:** Tổng chiều dài đường sắt nước ta là 3143 km đường sắt  
Chọn: D.  
**Câu 28:** Điều là sản phẩm chuyên môn hóa ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ. Nên C không đúng.  
Chọn: C.  
**Câu 29:**các trung tâm du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là: Hạ Long, Lạng Sơn.  
Chọn: C.  
**Câu 30:** Các khu công nghiệp phân bố tập trung nhất ở vùng Đông Nam Bộ.  
Chọn: B.  
**Câu 31:**Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 (Dân số), quy mô dân số các đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng xếp theo tứ tự giảm dần là: Hà Nội (trên 1 triệu người), Hải Phòng (từ 500 001 – 1 triệu người), Nam Định (từ 200 001 – 500 000 người), Hải Dương (từ 100 001 – 200 000 người).  
Chọn: C.  
**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 (Công nghiệp). Các trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng là Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.  
Chọn: D.  
**Câu 33**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 (Kinh tế chung), Khánh Hòa có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) cao nhất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ. (màu đậm nhất).  
Chọn: B.  
**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4-5, Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh Hà Tĩnh.  
Chọn: B  
**Câu 35:**Nhìn vào biểu đồ ta có 1 số nhận xét sau:  
Diện tích lúa hè thu nhỏ hơn diện tích lúa khác, tăng liên tục, diện tích lúa khác có biến động (giai đoạn cuối).  
Sản lượng lúa tăng liên tục.  
Chọn: C.  
**Câu 36:** Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú gải, đơn vị, biểu đồ thể hiện nội dung: chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị - nông thôn giai đoạn 1990-2014.  
Chọn: A.  
Câu 37: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22 (công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm), trung tâm có quy mô lớn là Hải Phòng.  
Chọn: D.  
**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 (Lâm nghiệp), các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ( năm 2007) đạt trên 60% là Quảng Bình, Tuyên Quang, Kon Tum, Lâm Đồng.  
Chọn: A.  
**Câu 39**: Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ biểu hiện cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan và Việt Nam năm 2015 là biểu đồ tròn; cụ thể mỗi nước 1 biểu đồ tròn.  
Chọn: D.  
**Câu 40:** Tính tốc độ tăng trưởng của các khu vực và so sánh.  
Khu vực 1: 108,1% (nhanh nhất), Khu vực 2: 101,5% (thấp nhất), Khu vực 3: 107,3%  
Chọn: C.  
*Để xem trọn bộ Đề thi Địa lí 12 có đáp án, Thầy/ cô vui lòng Tải xuống!*  
**Xem thêm các bộ đề thi lớp 12 chọn lọc, hay khác:**  
Đề thi Giữa học kì 2 Hóa học lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 Toán lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 Tiếng Anh lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 Vật lí lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 Lịch sử lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 GDCD lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 Ngữ văn lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Giữa học kì 2 Sinh học lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án